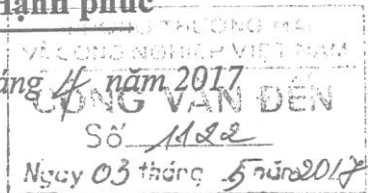


Số: 169 /BC-UBND

Hà Giang, ngày 28 tháng 4 năm 2017



BÁO CÁO

Kết quả thực hiện chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) năm 2016, Phương hướng nhiệm vụ, giải pháp cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) năm 2017

3.5.17
Thực hiện Chỉ thị số 12 - CT/TU, ngày 31/05/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo, đẩy mạnh các giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI). Kế hoạch số 164/KH - UBND ngày 13/7/2016 về thực hiện Nghị quyết số 19 - 2016/NQ - CP của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh Quốc gia hai năm 2016 - 2017, định hướng đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Căn cứ kết quả báo cáo chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI năm 2016 của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI). Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2016 của tỉnh Hà Giang và đề ra phương hướng nhiệm vụ, giải pháp cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2017 như sau:

I. KẾT QUẢ CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA TỈNH NĂM 2016

1. Kết quả thực hiện các chỉ số năng lực cạnh tranh

Chỉ số PCI gồm 10 chỉ số thành phần, phản ánh các lĩnh vực điều hành kinh tế có tác động đến sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân. Một địa phương được coi là có chất lượng điều hành tốt khi có: (1) Chi phí gia nhập thị trường thấp; (2) Tiếp cận đất đai dễ dàng và sử dụng đất ổn định; (3) Môi trường kinh doanh minh bạch và thông tin kinh doanh công khai; (4) Chi phí không chính thức thấp; (5) Thời gian thanh tra, kiểm tra và thực hiện các quy định, thủ tục hành chính nhanh chóng; (6) Môi trường cạnh tranh bình đẳng; (7) Chính quyền tỉnh năng động, sáng tạo trong giải quyết vấn đề cho doanh nghiệp; (8) Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp phát triển, chất lượng cao; (9) Chính sách đào tạo lao động tốt; (10) Thủ tục giải quyết tranh chấp công bằng, hiệu quả.

Theo kết quả báo cáo chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI năm 2016 của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), tỉnh Hà Giang xếp thứ hạng 59/63 (tăng 03 bậc so với năm 2015), chuyển vị trí xếp hạng từ nhóm thấp lên nhóm tương đối thấp. Với 55,40 điểm (tăng 4,95 điểm so với năm 2015), Hà Giang thấp hơn tỉnh (Bình Thuận, Bắc Giang, Đồng Nai) là 2,8 điểm, cao hơn tỉnh đứng cuối (Cao Bằng) là 2,41 điểm. So với năm 2015, tỉnh Hà Giang có 02 chỉ số giảm điểm (Thiết chế pháp lý và Cạnh tranh bình đẳng) và 08 chỉ số tăng điểm. Trong đó, chỉ số tăng điểm cao nhất là Chi phí không chính

thức và Tính năng động. Đây là những kết quả nỗ lực rất lớn của các cấp, các ngành trong việc cải thiện các chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

Bảng 1.1: So sánh điểm của các chỉ số thành phần PCI giữa năm 2015 và năm 2016

CHỈ SỐ	NĂM 2015	NĂM 2016	So sánh 2016/2015
Chi phí không chính thức	3,53	5,06	+ 1,53
Tính năng động	3,49	4,50	+ 1,01
Tính minh bạch	5,41	6,31	+ 0,90
Gia nhập thị trường	8,08	8,72	+ 0,64
Chi phí thời gian	5,68	6,18	+ 0,50
Tiếp cận đất đai	4,55	4,99	+ 0,44
Hỗ trợ doanh nghiệp	5,52	5,69	+ 0,17
Đào tạo lao động	4,61	4,73	+ 0,12
Thiết chế pháp lý	4,93	4,76	- 0,17
Cạnh tranh bình đẳng	4,97	4,61	- 0,36
Tổng điểm	50,45	55,40	+ 4,95
Kết quả xếp hạng	62	59	Tăng 03 bậc

Xét về trọng số điểm của các chỉ số thành phần năm 2016, chỉ số Gia nhập thị trường có điểm số cao nhất 8,72 điểm, xếp thứ hạng 16/63; tiếp đến là chỉ số Tính minh bạch với 6,31 điểm, xếp thứ hạng 23/63; chỉ số Chi phí thời gian với 6,18 điểm, xếp thứ hạng 45/63. Chỉ số Tiếp cận đất đai và Đào tạo lao động xếp hạng thấp nhất lần lượt là 56/63 và 61/63.

Bảng 1.2: Xếp thứ hạng năm 2016 của từng chỉ số thành phần PCI

Chỉ số	Năm 2016	Xếp thứ hạng
Gia nhập thị trường	8,72	16
Tính minh bạch	6,31	23
Hỗ trợ doanh nghiệp	5,69	26
Chi phí không chính thức	5,06	42
Tính năng động	4,50	44
Chi phí thời gian	6,18	45
Cạnh tranh bình đẳng	4,61	46
Thiết chế pháp lý	4,76	52
Tiếp cận đất đai	4,99	56

Đào tạo lao động	4,73	61
------------------	------	----

So sánh với các tỉnh trong khu vực miền núi phía Bắc, Hà Giang xếp vị trí thứ 11/14, kém tỉnh dẫn đầu (Lào Cai) là 8,09 điểm. Đối với 05 tỉnh có địa giới hành chính giáp ranh thì Hà Giang xếp vị trí thứ 4 sau Lào Cai, Yên Bái, Tuyên Quang và xếp trên Cao Bằng.

Bảng 1.3: Điểm PCI năm 2016 của 14 tỉnh miền núi phía Bắc

STT	Tỉnh	PCI	Xếp hạng	Nhóm
1	Lào Cai	63,49	5	Rất tốt
2	Thái Nguyên	61,82	7	Tốt
3	Phú Thọ	58,6	29	Khá
4	Bắc Giang	58,20	33	Khá
5	Tuyên Quang	57,43	45	Khá
6	Yên Bái	57,28	47	Khá
7	Hòa Bình	56,80	52	Trung bình
8	Điện Biên	56,48	53	Trung bình
9	Lạng Sơn	56,29	55	Trung bình
10	Sơn La	55,49	58	Tương đối thấp
11	Hà Giang	55,40	59	Tương đối thấp
12	Bắc Kạn	54,60	60	Tương đối thấp
13	Lai Châu	53,46	62	Thấp
14	Cao Bằng	52,99	63	Thấp

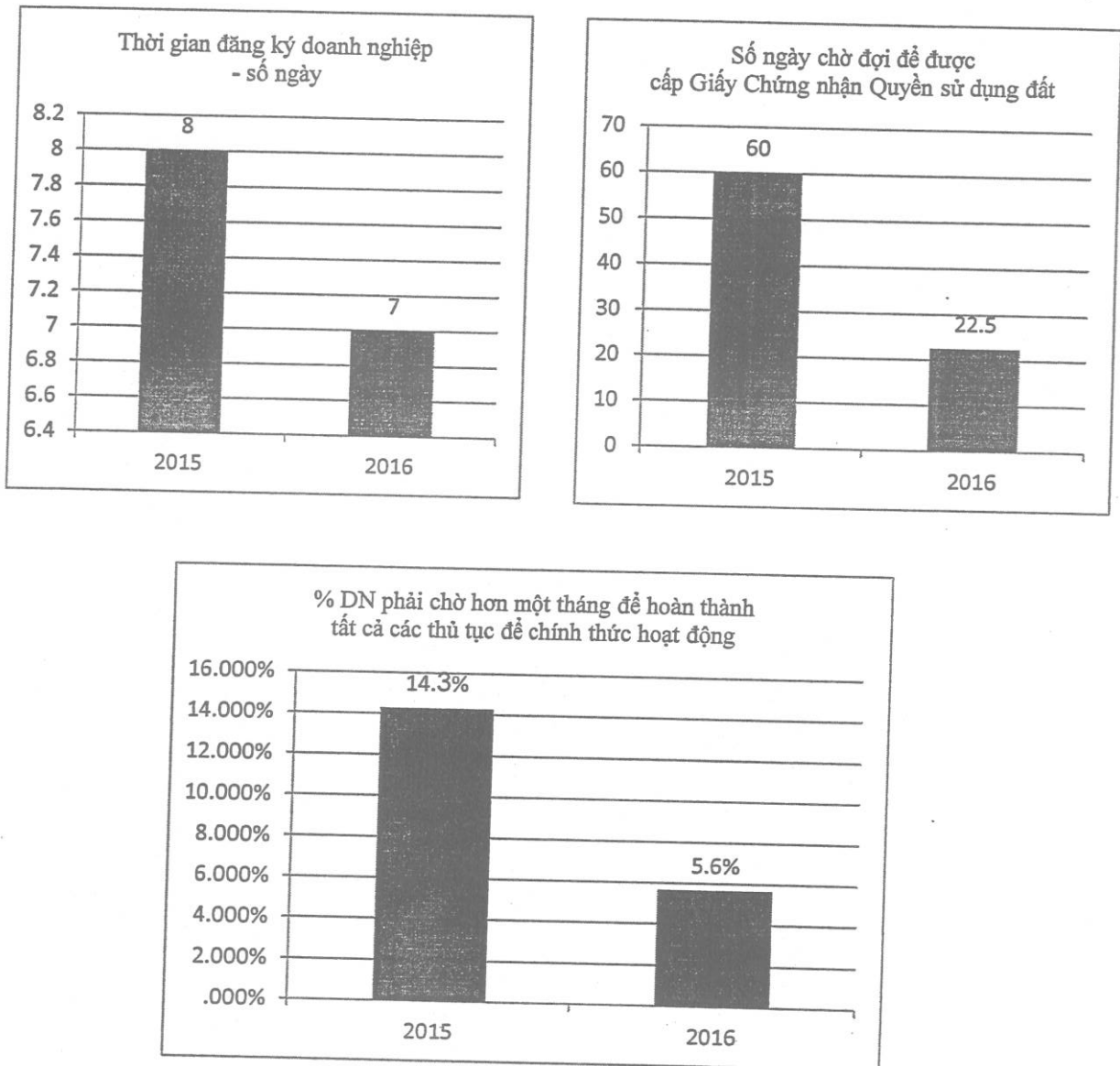
2. Phân tích theo từng chỉ số thành phần

2.1 Chỉ số Gia nhập thị trường

Năm 2016, chỉ số Gia nhập thị trường của tỉnh ta tiếp tục được cải thiện, tăng 0,64 điểm so với năm 2015, xếp hạng thứ 16/63. Trong đó, công tác đăng ký, thành lập doanh nghiệp đã đạt được những kết quả tích cực. Thời gian đăng ký doanh nghiệp¹ còn 07 ngày, giảm 01 ngày so với năm 2015. Thời gian chờ đợi để được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất còn 15 ngày, giảm 45 ngày so với năm 2015. Tỷ lệ DN phải chờ hơn 1 tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động đã giảm hơn một nửa so với năm 2015, từ 14,29% xuống còn 5,66%.

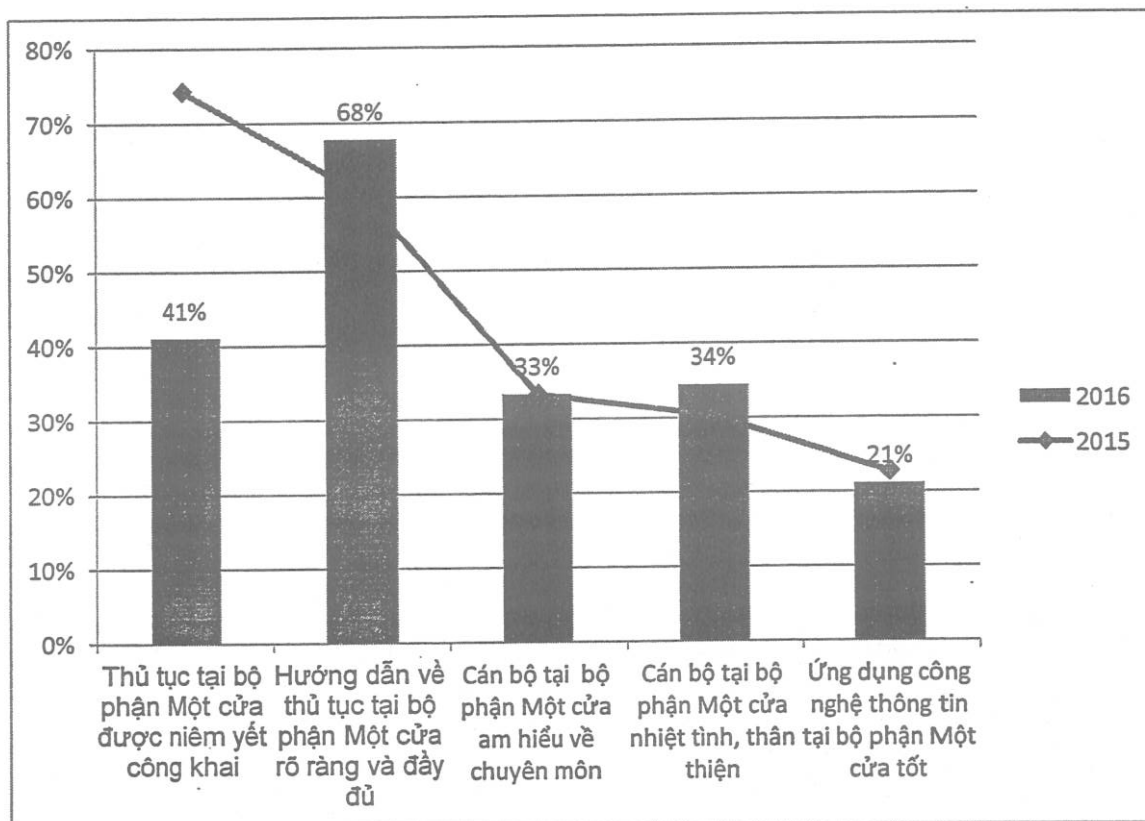
¹ Chỉ tiêu này được VCCI đo lường như sau: Tính cả số lần đi lại để sửa đổi, bổ sung giấy tờ trước khi có được một bộ hồ sơ hoàn chỉnh và được chấp nhận hợp lệ.

Hình 2.1.1: Các chỉ tiêu chỉ số Gia nhập thị trường 2 năm (2015, 2016)



Năm 2016 là năm tích cực thực hiện cải cách hành chính, đặc biệt là thành lập Trung tâm hành chính công cấp tỉnh và củng cố hoạt động của các Trung tâm một cửa cấp huyện. Nhờ vậy, tỷ lệ DN đăng ký hoặc sửa đổi đăng ký kinh doanh thông qua bộ phận Một cửa đã đạt 100%, tăng 22,86% so với năm 2015. Tuy nhiên, các DN tham gia điều tra đánh giá hiệu quả hoạt động tại các bộ phận Một cửa là chưa tốt. Cụ thể: Chỉ có 41,11% DN cho rằng thủ tục tại bộ phận Một cửa được niêm yết công khai; 67,78% DN cho rằng những hướng dẫn về thủ tục tại bộ phận Một cửa là rõ ràng và đầy đủ; 33,33% DN cho rằng cán bộ tại bộ phận Một cửa am hiểu về chuyên môn; 34,4% DN cho rằng cán bộ tại bộ phận một cửa nhiệt tình, thân thiện; 21,11% DN cho rằng ứng dụng công nghệ thông tin tại bộ phận Một cửa tốt.

Hình 2.1.2: Đánh giá của DN về chất lượng hoạt động của các bộ phận Một cửa



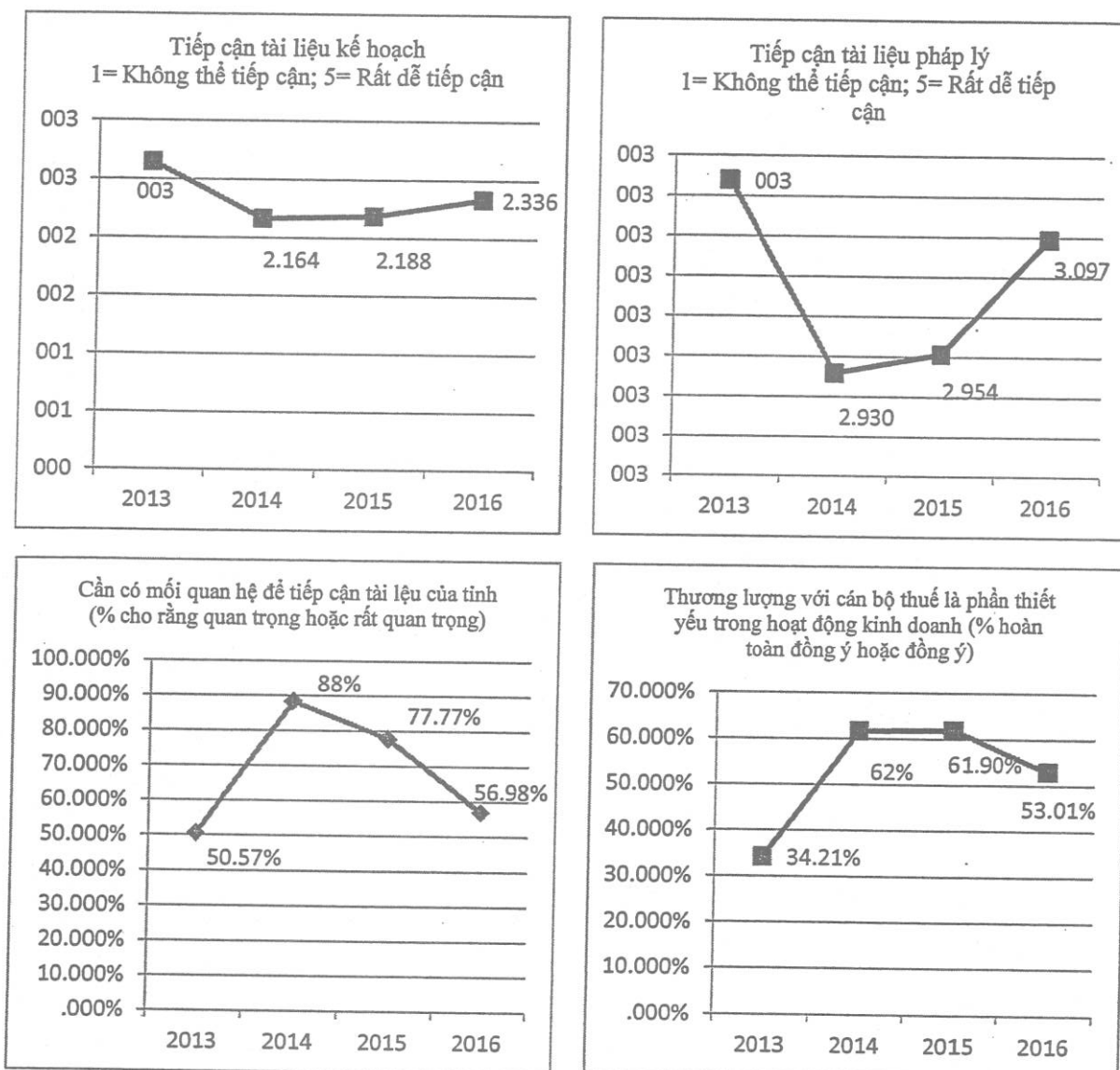
2.2 Chỉ số Tính minh bạch

Quan sát dữ liệu giữa 02 năm (2015 và 2016) cho thấy, các nỗ lực nhằm tăng cường khả năng tiếp cận thông tin cho DN của tỉnh ta chưa có sự cải thiện rõ rệt. Khả năng tiếp cận tài liệu về kế hoạch, quy hoạch, pháp lý của các DN ở tỉnh ta vẫn chỉ dừng ở mức Có thể tiếp cận nhưng khó và mức Có thể tiếp cận. Trên thang đo 5 điểm với 1 là không thể tiếp cận đến 5 là dễ dàng tiếp cận², điểm tiếp cận các tài liệu về kế hoạch, quy hoạch (Như: ngân sách, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất, các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, các chính sách ưu đãi đầu tư...) của các DN trong tỉnh là 2,34 điểm. Điểm tiếp cận các tài liệu về các tài liệu pháp lý (Như: Luật, nghị định, các văn bản hướng dẫn của cấp trung ương, công báo tỉnh, biểu mẫu thủ tục hành chính...) là 3,1 điểm. Bên cạnh đó, mối quan hệ cá nhân với công chức nhà nước vẫn tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong khả năng tiếp cận các thông tin, tài liệu quan trọng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của DN. Có đến 64,71% DN cho biết phải sử dụng các mối quan hệ để tiếp cận thông tin; 53,01% DN cho biết thương lượng với các khoản thuế phải nộp là một phần thiết yếu trong hoạt động kinh doanh. Điều này cho thấy, năm 2016, các DN vẫn phải đầu tư nguồn lực và thời gian để phát triển các mối quan hệ cá nhân với các cơ quan chính quyền. Trong bối cảnh kinh tế của tỉnh còn nhiều khó khăn như hiện nay, để các DN có thể giành các nguồn lực

² 2 là Có thể nhưng khó; 3 là Có thể tiếp cận; 4 là Tương đối dễ.

trên vào đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh một cách hiệu quả, tỉnh ta cần đẩy mạnh công khai, minh bạch thông tin cho DN hơn nữa.

Hình 2.2.1: Các chỉ tiêu chỉ số Tỉnh minh bạch qua các năm



Cùng với đó, tỷ lệ DN tham gia điều tra đánh giá vai trò quan trọng của các hiệp hội DN địa phương trong việc xây dựng và phản biện chính sách, quy định của tỉnh đã tăng thêm 5,13% so với năm 2015, đạt mức 39,74%. Và có đến 80,46% DN truy cập vào website của tỉnh, tăng 12,28% so với năm 2015. Tuy nhiên, DN đánh giá mức độ tiện dụng của website còn ở mức thấp với 24/100 điểm.

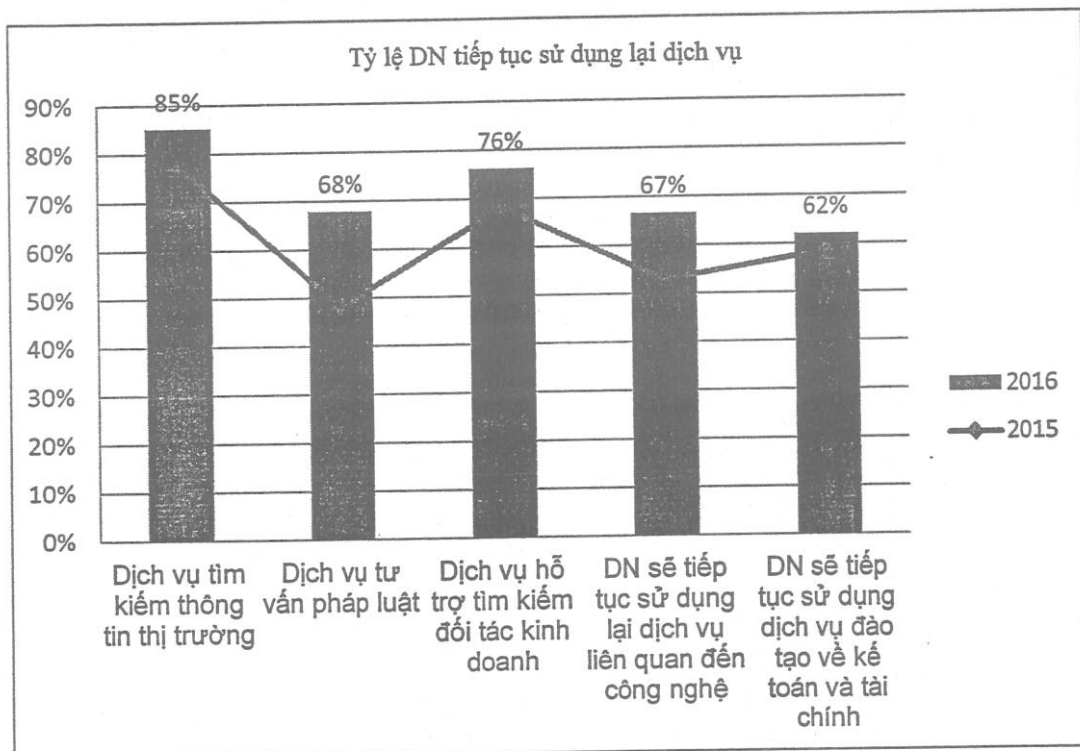
2.3 Chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp

Năm 2016, chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp có sự cải thiện nhẹ, tăng 0,17 điểm, tương ứng tăng 9 bậc xếp hạng so với năm 2015 (Từ bậc thứ 35/63 lên bậc thứ 26/63). Sự cải thiện điểm số này đến từ việc chất lượng cung cấp các dịch vụ³ về tìm kiếm thông tin thị trường, tư vấn pháp luật, tìm kiếm đối tác kinh

³ Do cơ quan tỉnh cung cấp và khu vực tư nhân trên địa bàn tỉnh cung cấp.

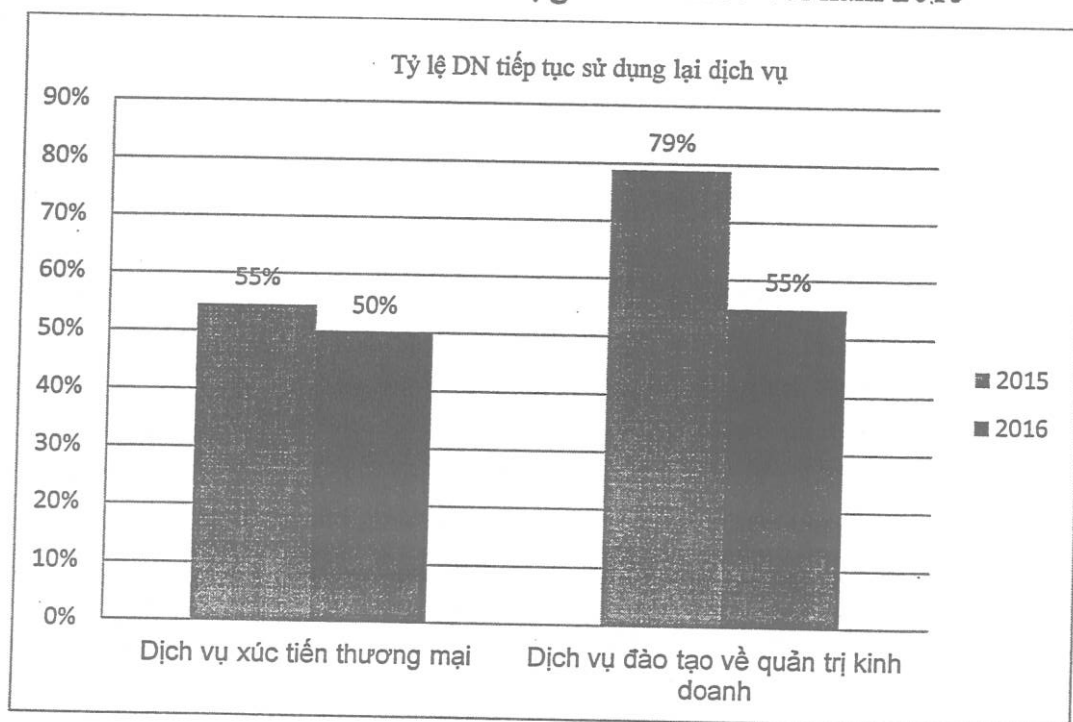
doanh, công nghệ, kế toán tài chính được nâng lên. Bằng chứng là tỷ lệ DN có ý định tiếp tục sử dụng lại các dịch vụ gia tăng hơn so với năm 2015. Cụ thể: Dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường tăng 7,91%, đạt mức 85,19%; Dịch vụ tư vấn pháp luật tăng 19,72%, đạt mức 67,86%; Dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh tăng 8,01%, đạt mức 76,19%; Dịch vụ liên quan đến công nghệ tăng 13,73%, đạt mức 66,67%; Dịch vụ tài chính, kế toán tăng 3,45%, đạt mức 62,07%.

Hình 2.3.1: Các chỉ tiêu tăng điểm số so với năm 2015

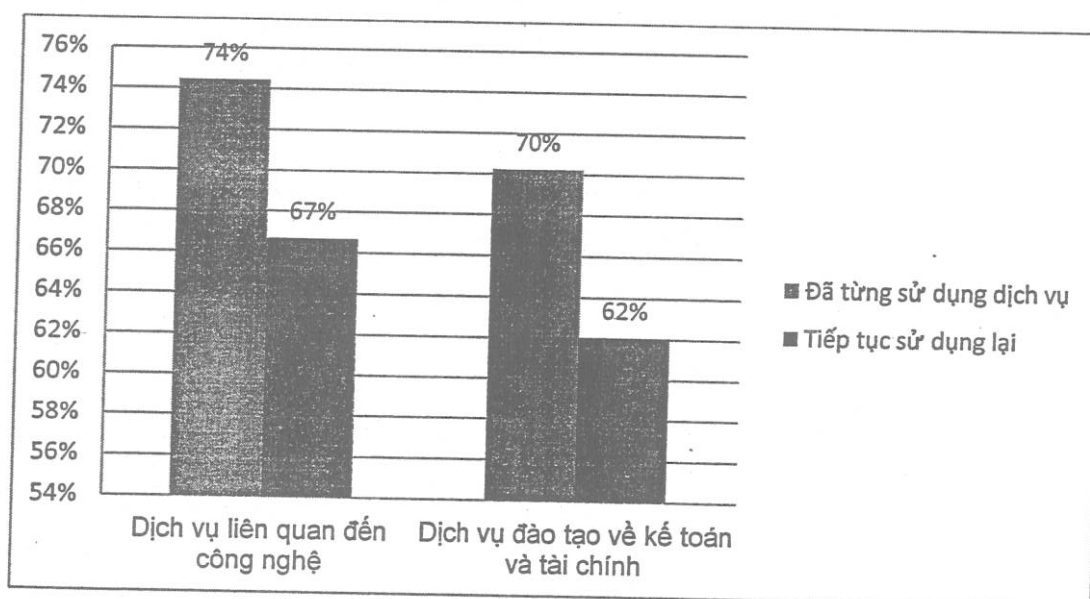


Tuy nhiên, so với năm 2015, tỷ lệ DN có ý định tiếp tục sử dụng lại dịch vụ hỗ trợ xúc tiến thương mại và dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh đã bị giảm, lần lượt là 4,55 điểm phần trăm và 23,95 điểm phần trăm. Bên cạnh đó, quan sát dữ liệu về dịch vụ liên quan đến công nghệ và tài chính kế toán cho thấy: Tỷ lệ DN sẽ tiếp tục sử dụng lại 02 dịch vụ này thấp hơn tỷ lệ DN đã từng sử dụng. Vì vậy, để cải thiện điểm số của chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp, cần phải tiếp tục phát huy các chỉ tiêu đã tăng điểm (Gồm: Dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường, tư vấn pháp luật, hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh), và vừa phải có chính sách cải thiện tích cực các chỉ tiêu có đang có xu hướng bị giảm điểm (Gồm: Dịch vụ xúc tiến thương mại, dịch vụ liên quan đến công nghệ, tài chính, kế toán và dịch vụ đào tạo quản trị kinh doanh).

Hình 2.3.2: Các chỉ tiêu bị giảm điểm so với năm 2015



Hình 2.3.3: So sánh giữa tỷ lệ DN đã từng sử dụng dịch vụ và tỷ lệ DN sẽ tiếp tục sử dụng lại dịch vụ năm 2016

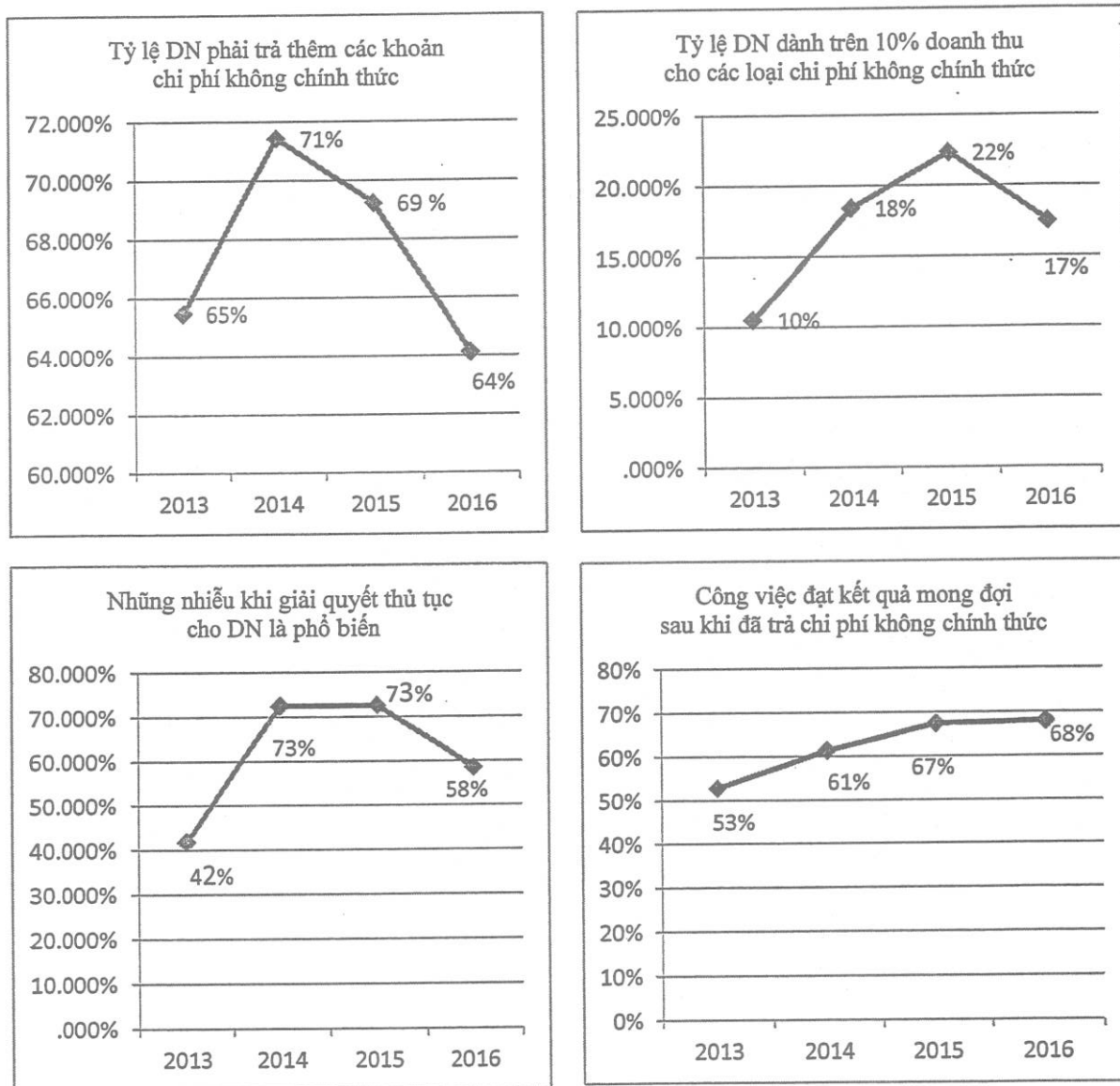


2.4 Chỉ số Chi phí không chính thức

So với năm 2015, chỉ số Chi phí không chính thức đã có sự cải thiện ở tất cả các chỉ tiêu đánh giá, tăng được 1,53 điểm và xếp hạng thứ 42/63. Tuy nhiên, các xu hướng tiêu cực vẫn còn tồn tại và chưa được kiểm soát. Cụ thể: Có đến 64,13% DN tham gia điều tra cho biết thường phải trả thêm các khoản chi phí không chính thức; Có 17,5% DN cho biết phải chi trả hơn 10% tổng doanh thu của họ cho các loại phí không chính thức. Có 58,54% DN cho biết hiện tượng

những nhiều khi giải quyết thủ tục cho DN vẫn phổ biến. Và ngay cả khi đã chi trả những khoản chi phí không chính thức này thì vẫn có đến 32% DN cho rằng công việc chưa đạt kết quả mong đợi, 25,88% DN cho rằng các khoản chi phí không chính thức là chưa ở mức chấp nhận được.

Hình 2.4.1: Các chỉ tiêu chỉ số Chi phí không chính thức qua các năm

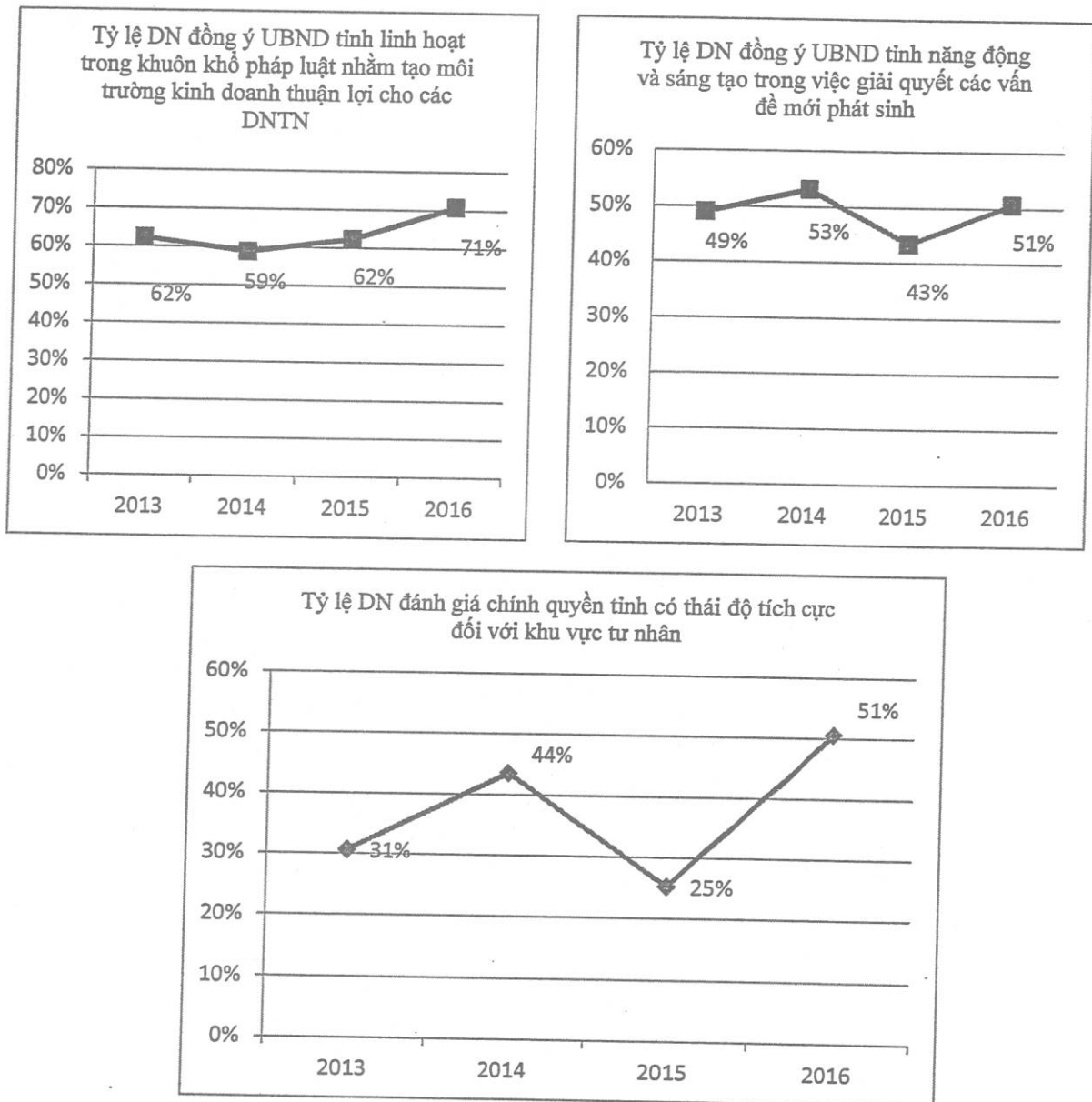


2.5 Chỉ số Tính năng động

So với năm 2015, chỉ số Tính năng động có sự cải thiện rõ rệt, tăng 1,01 điểm, tăng 18 bậc xếp hạng (Từ bậc thứ 62/63 lên bậc 44/63). Có 03/6 chỉ tiêu cụ thể tăng điểm phần trăm, bao gồm: Tỷ lệ % DN đánh giá UBND tỉnh linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp tư nhân (+8,55%), đạt mức 70,89%; Tỷ lệ % DN đánh giá UBND tỉnh năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh (+7,25%), đạt mức 50,67%; Tỷ lệ DN đánh giá chính quyền tỉnh có thái độ tích cực với khu vực tư nhân (+25,29%), đạt mức 50,59%. Bên cạnh đó, tỷ lệ

DN đánh giá có những sáng kiến hay ở cấp tỉnh được thực thi tốt ở các sở, ngành đã tăng thêm 10,44 điểm phần trăm, đạt mức 26,03%.

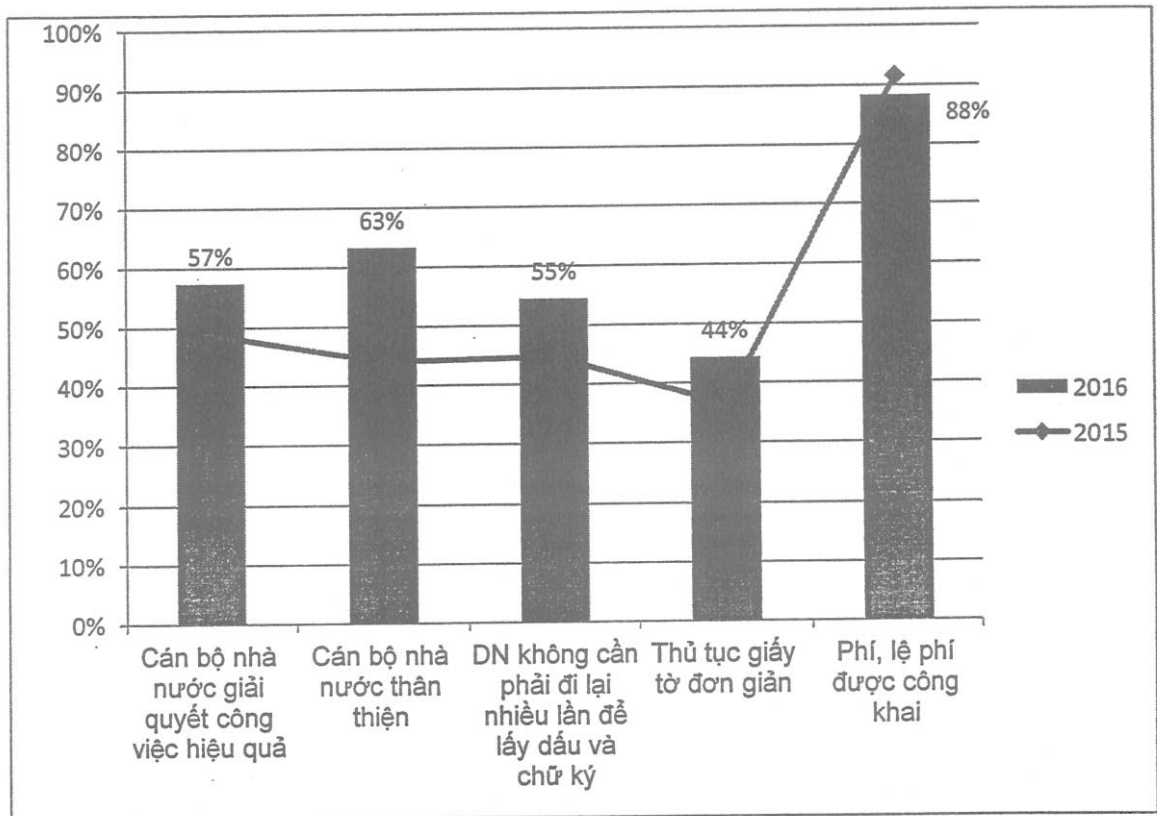
Hình 2.5.1: Các chỉ tiêu tăng điểm so với năm 2015



2.6 Chỉ số Chi phí thời gian

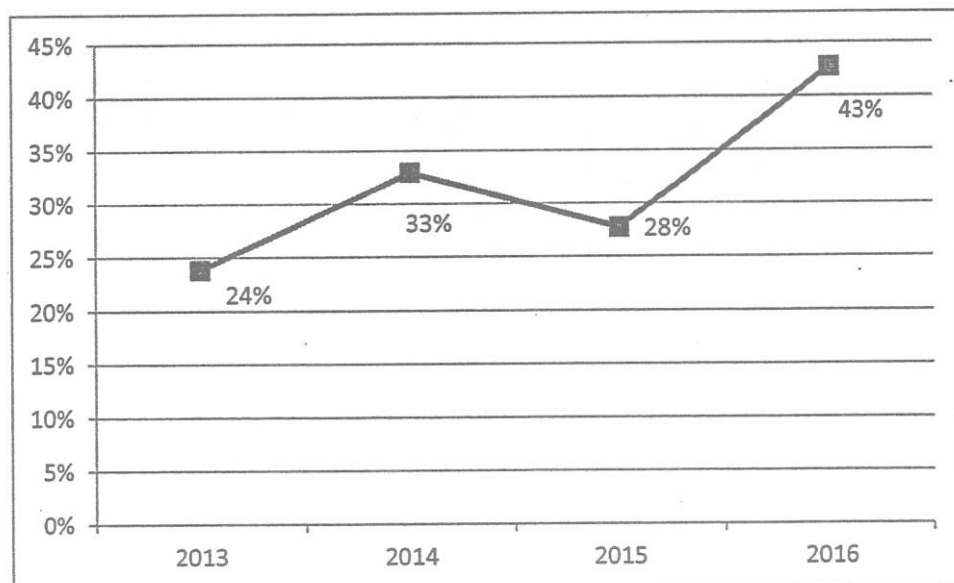
Chỉ số Chi phí thời gian có sự cải thiện nhẹ, tăng 0,5 điểm so với năm 2015, xếp hạng thứ 45/63. Sự cải thiện này đến từ các chỉ tiêu sau: Có 57,47% DN tham gia điều tra đánh giá cán bộ nhà nước giải quyết công việc hiệu quả, tăng 8,63% so với năm 2015; Có 63,33% DN đánh giá cán bộ nhà nước thân thiện, tăng 19,29% điểm so với năm 2015; Có 54,55% DN cho biết họ không phải đi lại nhiều lần để lấy dấu và chữ ký, tăng 9,84% so với năm 2015; Có 44,32% DN đánh giá thủ tục giấy tờ đơn giản, tăng 7,85% so với năm 2015.

Hình 2.6.1: Các chỉ tiêu chỉ số Chi phí thời gian qua 02 năm (2015, 2016)



Bên cạnh đó, theo kết quả điều tra PCI 2016, số lần thanh tra, kiểm tra hàng năm đối với DN, tính bằng số trung vị là 02 lần. Trong đó, thời gian trung bình cho mỗi cuộc thanh, kiểm tra thuế là 04 giờ, tăng 01 giờ so với năm 2015. Tỷ lệ DN dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện các quy định pháp luật của Nhà nước vẫn còn ở mức cao 42,7%, tăng 14,99% so với năm 2015.

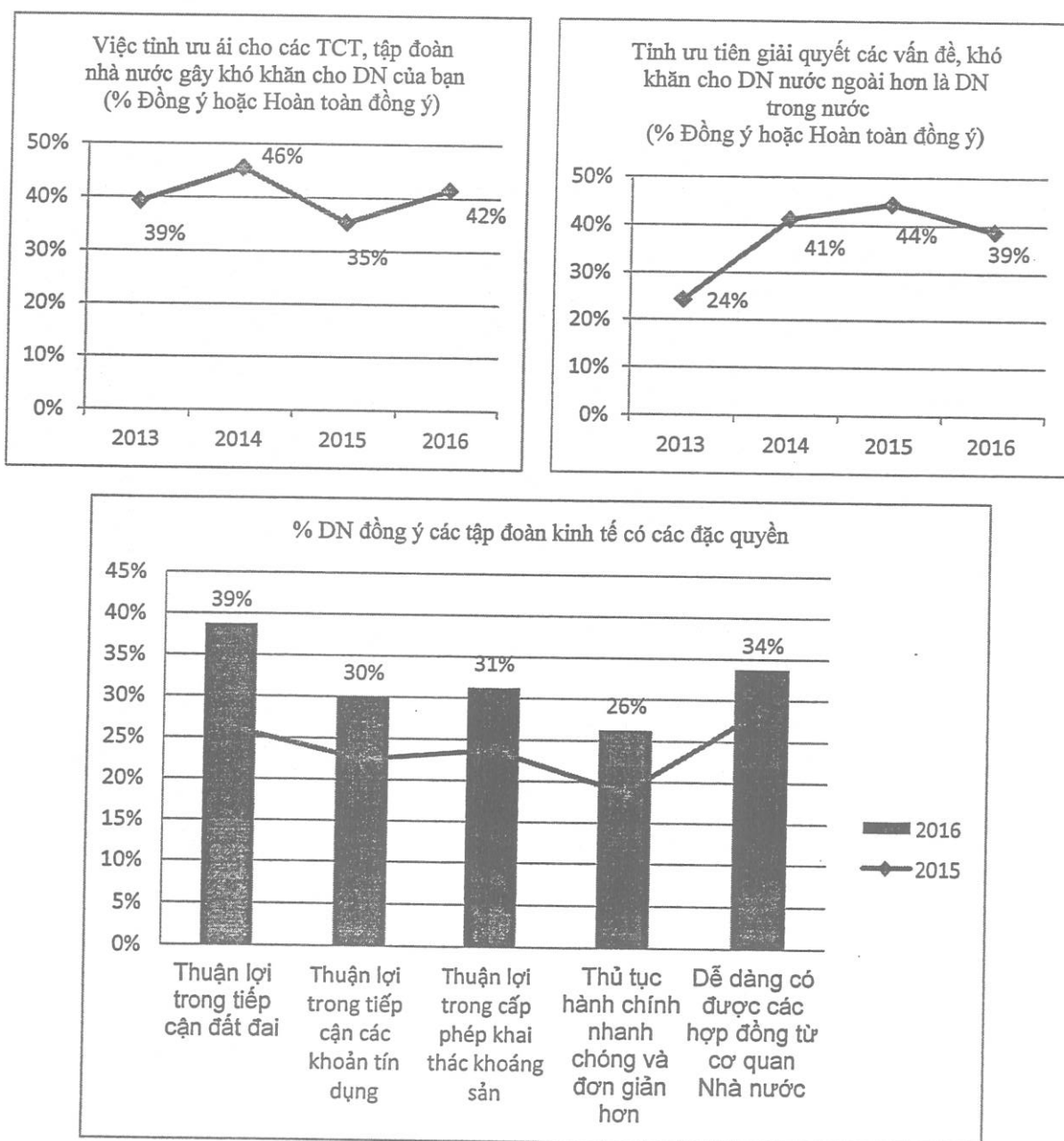
Hình 2.6.2: Tỷ lệ DN dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện các quy định pháp luật của Nhà nước



2.7 Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng

Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của tỉnh đã bị suy giảm so với năm 2015, giảm 0,36 điểm. Nguyên nhân là do các DN tham gia điều tra cho rằng tỉnh đang ưu ái cho các tổng công ty, tập đoàn của Nhà nước gây khó khăn cho doanh nghiệp (41,56 % DN đồng ý) và Tỉnh đang ưu tiên giải quyết các vấn đề, khó khăn cho DN nước ngoài hơn là DN trong nước (38,81% DN đồng ý). Và các tập đoàn kinh tế của Nhà nước có nhiều đặc quyền như: Thuận lợi trong tiếp cận đất đai (Có 38,75% DN đồng ý); Thuận lợi trong tiếp cận các khoản tín dụng (Có 30% DN đồng ý); Thuận lợi trong cấp phép khai thác khoáng sản (Có 31,5% DN đồng ý); Thủ tục hành chính nhanh chóng và đơn giản (Có 26,25% DN đồng ý); Dễ dàng có được các hợp đồng từ cơ quan nhà nước (Có 33,75% DN đồng ý).

Hình 2.7.1: Đánh giá của DN về sự ưu tiên của Tỉnh đối với các loại hình DN

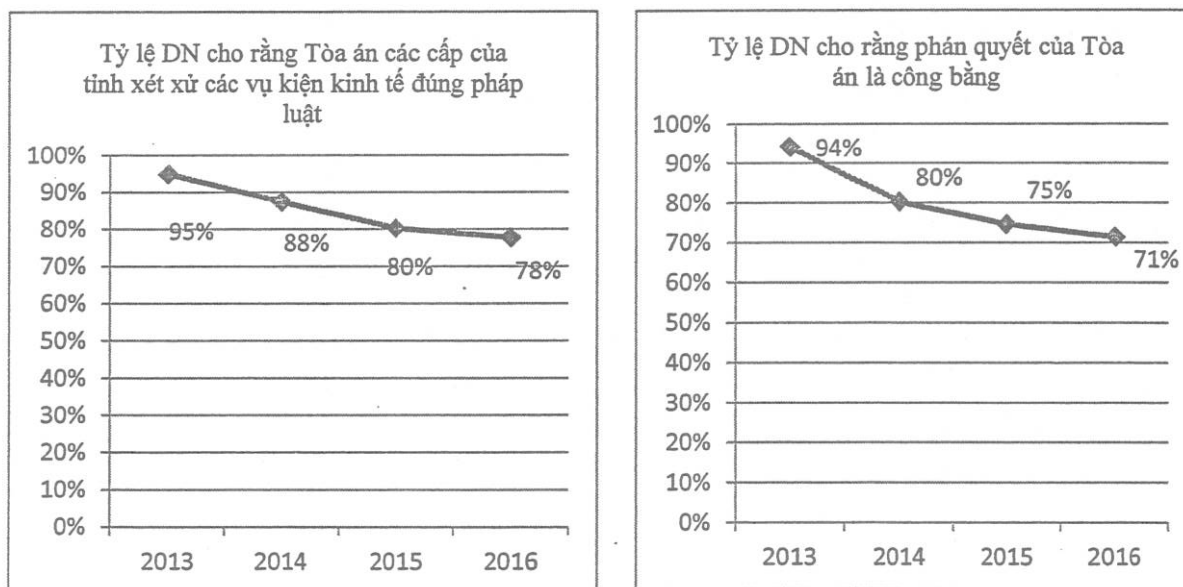


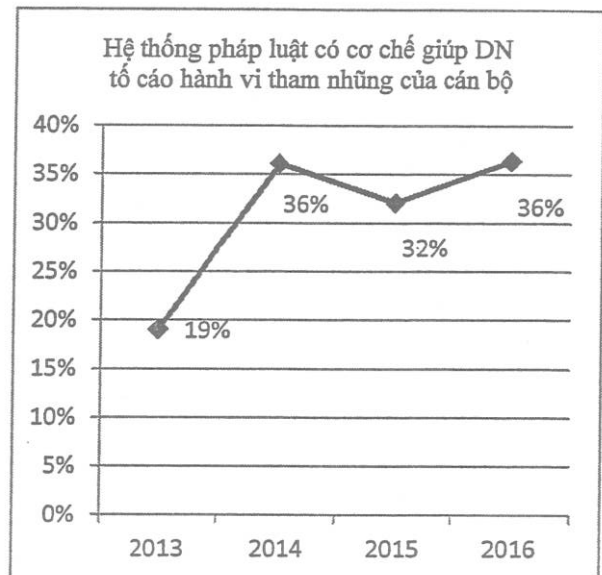
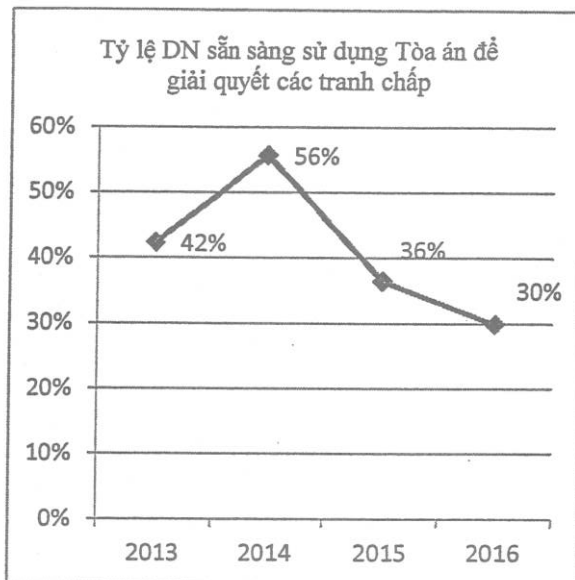
Đồng thời, hơn 41,56% DN đồng ý cho rằng "Tinh ưu tiên thu hút đầu tư nước ngoài hơn là phát triển khu vực tư nhân". Và điều đáng lo ngại là kinh doanh bằng mối quan hệ đang tiếp tục chèn lấn các hoạt động kinh doanh của đông đảo doanh nghiệp khác. Có đến 70,13% DN cho biết hợp đồng, đất đai,.. và các nguồn lực kinh tế khác chủ yếu rơi vào tay các DN có liên kết chặt chẽ với chính quyền tỉnh, tuy có giảm 11,92% so với năm 2015 nhưng vẫn ở mức cao. Đồng thời, tình trạng phân biệt đối xử theo quy mô DN đang có xu hướng tăng lên. Có đến 59,72% DN đồng ý cho rằng ưu đãi với các công ty lớn (nhà nước và tư nhân) là trở ngại cho hoạt động kinh doanh của bản thân DN, tăng 1,83% so với năm 2015.

2.8 Chỉ số Thiết chế pháp lý

So với năm 2015, chỉ số Thiết chế pháp lý đã giảm điểm nhẹ, giảm 0,17 điểm, đạt mức 4,76 điểm và xếp hạng thứ 52/63. Các yếu tố làm giảm điểm bao gồm: Tỷ lệ DN cho biết Tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ kiện kinh tế đúng pháp luật giảm 2,49 điểm phần trăm, đạt mức 77,78%; Tỷ lệ DN đồng ý phán quyết của Tòa án là công bằng giảm 3,24 điểm phần trăm, đạt mức 71,43%; Tỷ lệ DN sẵn sàng sử dụng Tòa án để giải quyết các tranh chấp giảm 6,59% điểm phần trăm, đạt mức 29,89%. Điều quan trọng là các chỉ số này liên tục bị giảm điểm từ năm 2013 đến năm 2016. Bên cạnh đó, nếu một cán bộ làm trái quy định nhà nước, chỉ có 36,36% DN tham gia điều tra cho rằng hệ thống pháp luật có cơ chế giúp DN tố cáo hành vi tham nhũng của cán bộ (Mặc dù, chỉ tiêu này đã tăng điểm so với năm 2015 nhưng từ năm 2013-2016 điểm của chỉ tiêu này vẫn ở mức khá thấp dưới 37%).

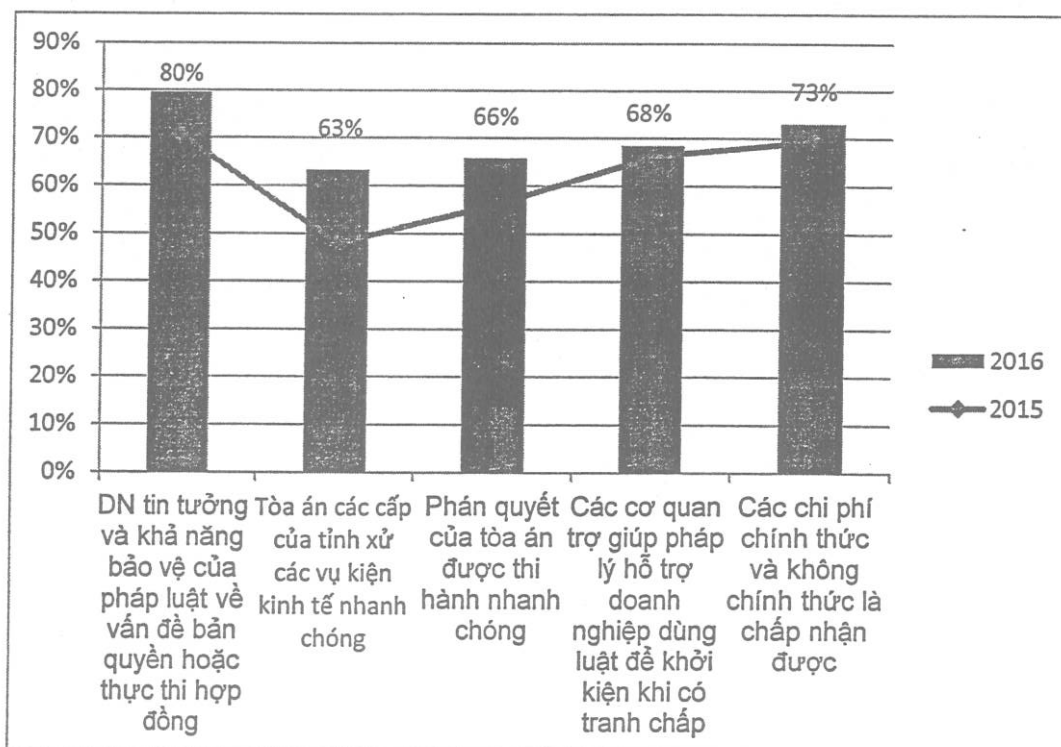
Hình 2.8.1: Các chỉ tiêu giảm điểm so với năm 2015





Quan sát dữ liệu của các chỉ tiêu còn lại cho thấy các DN đánh giá hoạt động của Tòa án các cấp của tỉnh đã có những tín hiệu tích cực hơn và cần được phát huy trong thời gian tới như: Tỷ lệ DN tin tưởng vào khả năng bảo vệ của pháp luật về vấn đề bản quyền hoặc thực thi hợp đồng đã tăng 8,81 điểm phần trăm, đạt mức 79,55%; Tỷ lệ DN cho rằng Tòa án các cấp của tỉnh xử các vụ kiện kinh tế nhanh chóng tăng 15,29 điểm phần trăm, đạt mức 63,29%; Tỷ lệ DN cho rằng phán quyết của Tòa án được thi hành nhanh chóng tăng 9,82 điểm phần trăm, đạt mức 65,82%; Tỷ lệ DN cho rằng các cơ quan trợ giúp pháp lý hỗ trợ DN dùng luật để khởi kiện khi có tranh chấp tăng 2,19 điểm phần trăm, đạt mức 68,42%; Tỷ lệ DN đồng ý rằng các chi phí chính thức và không chính thức là chấp nhận được tăng 3,64 điểm phần trăm, đạt mức 72,97%.

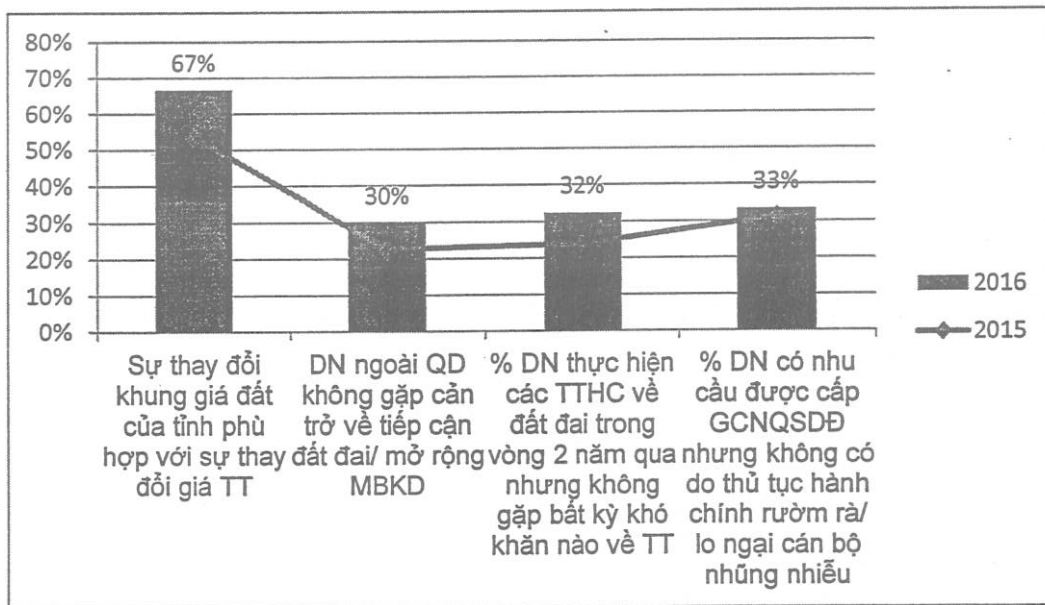
Hình 2.8.2: Các chỉ tiêu có sự cải thiện hơn so với năm 2015



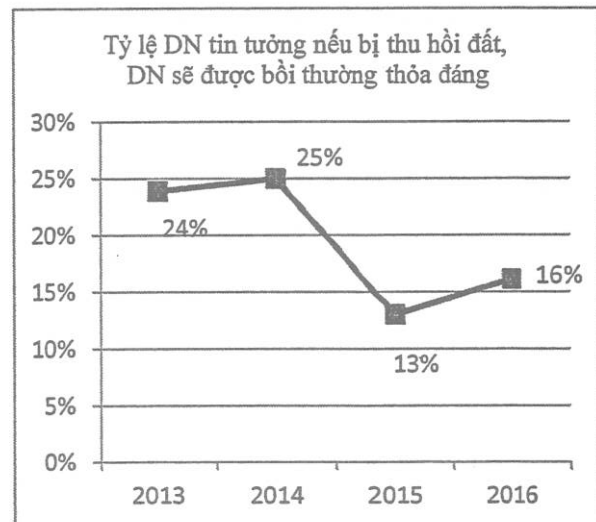
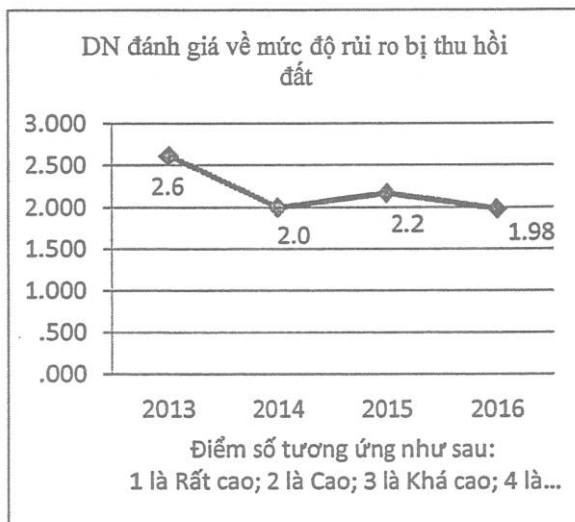
2.9 Chỉ số Tiếp cận đất đai

Năm 2016, chỉ số Tiếp cận đất đai của tỉnh có sự cải thiện nhẹ với 0,44 điểm do các tiêu chí về quyền sử dụng đất và quyền sở hữu Giấy chứng nhận đất đã được cải thiện. Cụ thể: Có 66,67% DN cho rằng sự thay đổi khung giá đất của tỉnh phù hợp với sự thay đổi giá trị thị trường, tăng 13,01% so với năm 2015; Có 29,79% DN cho rằng doanh nghiệp ngoài quốc doanh không gặp cản trở về tiếp cận đất đai hoặc mở rộng mặt bằng kinh doanh, tăng 7,06% so với năm 2015; Có 32,35% DN thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai trong vòng 2 năm qua nhưng không gặp bất kỳ khó khăn nào về thủ tục, tăng 8,35% so với năm 2015.

Hình 2.9.1: Các chỉ tiêu tăng điểm so với năm 2015



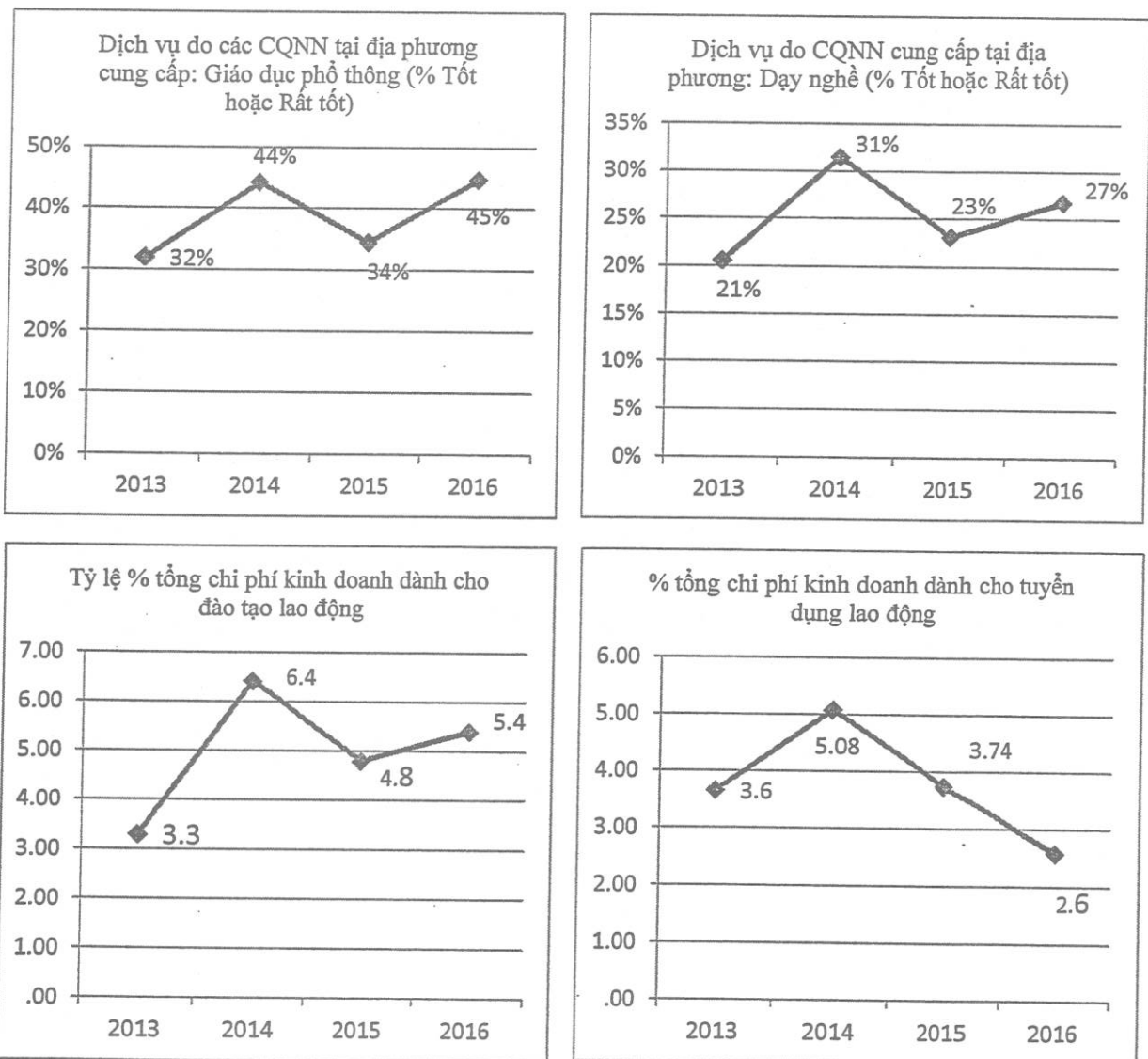
Tuy nhiên, tình hình sử dụng đất trên địa bàn tỉnh theo đánh giá của DN trở nên bấp bênh hơn. Các DN tham gia điều tra đánh giá mức độ rủi ro bị thu hồi đất ở mức cao (1,92 điểm) và có xu hướng tăng lên trong giai đoạn 2014-2016. Và trong trường hợp bị thu hồi đất, chỉ có 19,05% DN tin tưởng sẽ được bồi thường thỏa đáng.



2.10 Chỉ số Đào tạo lao động

Chỉ số Đào tạo lao động của tỉnh có sự cải thiện không đáng kể trong năm 2016, chỉ tăng được 0,12 điểm và xếp hạng thứ 61/63. Mức độ hài lòng của các DN tham gia điều tra về chất lượng đào tạo lao động của tỉnh tuy có tăng so với năm 2015 nhưng còn ở mức thấp. Cụ thể: Có 44,71% DN hài lòng về chất lượng giáo dục phổ thông; Có 26,74% DN hài lòng về chất lượng dạy nghề. Bên cạnh đó, các DN vẫn phải sử dụng khá nhiều chi phí cho việc tuyển dụng và đào tạo lao động. Chi phí trung vị dành cho đào tạo lao động của các DN tham gia điều tra là 5,4% tổng chi phí kinh doanh, tăng 0,61% so với năm 2015. Chi phí trung vị dành cho tuyển dụng lao động của các DN là 2,59% tổng chi phí kinh doanh. Và có 83,95% DN đồng ý rằng lao động đáp ứng được nhu cầu sử dụng của DN.

Hình 2.10.1: Điểm các chỉ số cụ thể qua các năm



Về dịch vụ giới thiệu việc làm của tỉnh, chỉ có 22,39% DN đã từng sử dụng. Và chỉ có 53,33% có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ giới thiệu việc làm. Từ dữ liệu trên cho thấy, cần có sự đổi mới rất nhiều trong công tác giới thiệu

việc làm, một mặt nhằm hỗ trợ DN giảm tải chi phí tuyển dụng, một mặt giúp người lao động tìm kiếm việc làm.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

- Tỉnh đã kịp thời ban hành Chỉ thị và Kế hoạch hành động về nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; coi đây là nhiệm vụ trọng tâm vừa cấp bách, vừa đảm bảo tính lâu dài; là chìa khóa để thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển nhanh, bền vững.

- Các cấp, các ngành đã thực hiện đảm bảo theo đúng các quy trình, thủ tục hành chính, đơn giản hóa và rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp; Lựa chọn cán bộ làm công tác “một cửa” có thái độ chính trị, chuyên môn nghiệp vụ và phẩm chất đạo đức tốt.

- Việc rà soát văn bản quy phạm pháp luật, sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định hiện hành và tạo điều kiện cho tổ chức, doanh nghiệp tiếp cận và áp dụng.

- Ban hành chính sách khuyến khích trong lĩnh vực đào tạo nghề; do đó, chất lượng đào tạo nguồn nhân lực được cải thiện và bước đầu đáp ứng được yêu cầu của các doanh nghiệp.

- Tỉnh đã tạo cơ chế thu hút mọi nguồn lực để đầu tư kết cấu hạ tầng; các sở, ngành trong tỉnh đã thường xuyên công khai, minh bạch cho tổ chức, doanh nghiệp các thông tin về cơ chế, chính sách, quy hoạch... và nâng cấp website của ngành nhằm đáp ứng nhu cầu tra cứu thông tin của doanh nghiệp, tổ chức khi có nhu cầu.

- Nhận thức, trách nhiệm của lãnh đạo cấp ủy, chính quyền và đội ngũ cán bộ, công chức trong việc xây dựng môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi nhằm nâng cao chỉ số PCI của tỉnh đã cơ bản được nâng lên. Có sự phối hợp giữa các ngành, các cấp trong việc giải quyết các kiến nghị, đề xuất, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

2. Tồn tại, hạn chế

- Điểm số PCI của tỉnh vẫn ở mức tương đối thấp, các chỉ số thành phần có tăng điểm nhưng chưa tạo sự đột phá, vẫn có 02 chỉ số thành phần bị giảm điểm (Thiết chế pháp lý, cạnh tranh bình đẳng).

- Môi trường đầu tư, kinh doanh chưa thực sự thuận lợi nhất là trong các lĩnh vực liên quan đến đất đai, thủ tục đầu tư.

- Thời gian triển khai thực hiện dự án đầu tư dự án còn dài, chậm đưa vào hoạt động.

- Vẫn còn tình trạng cán bộ, công chức tinh thần trách nhiệm trong thực thi công vụ còn hạn chế; thiếu tính năng động, còn dậm khuôn máy móc. Tính quyết đoán và tự chịu trách nhiệm của người đứng đầu một số sở, ngành chưa thật sự quyết liệt.

- Hệ thống tin học hóa từng lĩnh vực có sự chỉ đạo quyết liệt, nhưng việc ứng dụng, khai thác chưa thật sự hiệu quả; thông tin trên website của một số sở, ngành, UBND các huyện/thành phố còn đơn điệu, khả năng giao diện, kết nối chưa cao, các thông tin chưa được cập nhật thường xuyên.

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

3.1. Nguyên nhân khách quan

- Điều kiện tự nhiên địa lý không thuận lợi; kết cấu hạ tầng còn hạn chế; nhất là hệ thống giao thông kết nối.

- Đa phần các doanh nghiệp của tỉnh có quy mô siêu nhỏ, được hình thành của thời kỳ “đại công trường xây dựng” và chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cơ bản được đầu tư từ ngân sách nhà nước. Trình độ kỹ thuật, quản trị doanh nghiệp, mức độ am hiểu pháp luật, các quy định của nhà nước của doanh nghiệp còn hạn chế, dẫn đến việc thực hiện các quy định còn lúng túng.

- Khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh còn thấp, việc tiếp cận các tài liệu trên cổng thông tin điện tử và các trang thông tin của các cơ quan trong tỉnh còn chưa kịp thời.

3.2 Nguyên nhân chủ quan

- Việc điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện, quy hoạch ngành, quy hoạch sử dụng đất còn chậm, chưa kịp thời, chưa thực sự đồng bộ.

- Một số doanh nghiệp chưa nhận thức đầy đủ về nội dung, mục đích, ý nghĩa của việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và việc nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; chưa nhìn nhận một cách khách quan các quan điểm, định hướng lớn của Tỉnh đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn hiện nay (chủ yếu do tác động của nợ đọng XDCB).

- Lãnh đạo một số sở, ngành, địa phương chưa quyết liệt trong chỉ đạo thực hiện Kế hoạch hành động cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) của UBND tỉnh đã ban hành; chưa tích cực và chủ động trực tiếp giải quyết khó khăn vướng mắc cho doanh nghiệp thuộc thẩm quyền.

- Tính chuyên nghiệp trong việc giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp, cũng như tính tự chịu trách nhiệm của số ít cán bộ, công chức chưa cao.

- Chưa giao nhiệm vụ cụ thể cho cá nhân, tập thể chịu trách nhiệm theo chuyên ngành trong việc cải thiện từng chỉ số thành phần nhằm cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh chung của tỉnh.

- Hội doanh nghiệp chưa năng động trong các hoạt động hỗ trợ, liên kết sản xuất kinh doanh và thực hiện dự án đầu tư. Hoạt động còn mang tính hình thức, chưa thực sự phát huy hết vai trò trong việc kết nối doanh nghiệp.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP NĂM 2017

Kết quả đánh giá PCI năm 2016 cho thấy, khoảng cách từ vị trí xếp hạng của tỉnh Hà Giang đến vị trí trung vị tuy khá xa (26 bậc xếp hạng) nhưng điểm số chênh lệch không quá lớn (2,8 điểm). Để tiếp nối kết quả năm 2016, tạo sự bứt phá, cải thiện vị trí xếp hạng PCI năm 2017, trước hết cần xác định mục tiêu phấn đấu có ngưỡng an toàn và có thể đạt được.

Để phấn đấu năm 2017 là đạt vị trí trung vị toàn quốc của năm 2016 (trong khoảng từ thứ hạng số 58/63 đến thứ hạng số 33/63), tăng thêm 2,8 điểm, tương ứng với lũy kế điểm là 58,2 điểm (Trong đó, lấy điểm số trung vị năm 2016 của từng chỉ tiêu cụ thể trong từng chỉ số thành phần PCI làm mục tiêu phấn đấu của tỉnh cho năm 2017), UBND tỉnh yêu cầu các cấp, các ngành thực hiện tốt một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06/02/2017 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020; Chỉ thị số 12-CT/TU ngày 31/05/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo, đẩy mạnh các giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 28/02/2017 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06/02/2017 trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

2. Từng ngành, từng cấp cần phải tập trung rà soát, nhận diện rõ những tồn tại, hạn chế, các nút thắt trong điều hành phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhằm đề xuất các giải pháp tác động, khuyến khích, tạo điều kiện cho sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân.

3. Tập trung nâng cao năng lực về thẩm định các dự án đầu tư; thực hiện chủ trương “chuyên từ Tiền kiểm, sang Hậu kiểm” đối với hoạt động thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã và trong cân đối nguồn lực cho các dự án đầu tư theo hình thức hợp tác công tư.

4. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 303/KH-UBND ngày 06/12/2016 của UBND tỉnh về rà soát, lập danh mục cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh Hà Giang đảm bảo xác định rõ danh mục, nội dung từng thủ tục hành chính trên từng lĩnh vực cụ thể, xác định cụ thể từng thủ tục hành chính, với phương châm “*giảm số đầu việc trong bộ thủ tục hành chính; gắn với cắt giảm thời gian giải quyết*”; đồng thời phải tập trung thực hiện 3 tăng “*tăng tính minh bạch; tăng tính năng động và tăng tính tự chịu trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị*”.

5. Đổi mới, đa dạng hóa các hình thức đối thoại, gặp gỡ cộng đồng doanh nghiệp với thời gian định kỳ ít nhất hai lần/năm để kịp thời nắm bắt và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp.

6. Nâng cao vai trò của Hội doanh nghiệp của Tỉnh; tăng cường và phát huy hiệu quả công tác phản biện xã hội.


7. Tiếp tục tập trung tháo gỡ khó khăn trong nợ đọng xây dựng cơ bản, thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm.

8. Xây dựng cơ chế thông thoáng trong tiếp cận đất đai, cơ chế tích tụ ruộng đất; tiếp cận các nguồn vốn tín dụng.

9. Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị, UBND các huyện, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực được giao xây dựng Kế hoạch cụ thể để phân đấu tăng điểm xếp hạng PCI của tỉnh năm 2017, **xong trước ngày 20/5/2017 báo cáo UBND tỉnh.** (kèm theo biểu phân công nhiệm vụ tăng điểm cho từng chỉ số thành phần).

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) năm 2016; Phương hướng nhiệm vụ, giải pháp cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) năm 2017./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Phòng TM và CN Việt Nam;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc Việt Nam tỉnh HG;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể;
- UBND các huyện, thành phố;
- Hội DN tỉnh Hà Giang;
- Lãnh đạo VP UBND Tỉnh;
- CVTH VP UBND Tỉnh;
- Vnptioffice;
- Lưu VT, TH. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Minh Tiến

BIỂU: PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CỤ THỂ ĐỂ TĂNG ĐIỂM CHỈ SỐ PCI NĂM 2017
(Kèm theo Báo cáo số: 169/BC-UBND, ngày 28 tháng 4 năm 2017 của ban nhân dân tỉnh)

STT	Nội dung	Điểm năm 2016	Điểm trung vị năm 2016	Mục tiêu năm 2017	Lũy kế điểm số tính đến năm 2017	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Nhiệm vụ phân công
I	Chỉ số Gia nhập thị trường	8.72	8.53	Duy trì mức điểm năm 2016	≥ 8,72			
1	Thời gian đăng ký doanh nghiệp - số ngày (giá trị trung vi)	6.5	7		≤ 6,5	Số KHHDT	TT Hành chính công tỉnh	Thực hiện hiệu quả hoạt động đăng ký doanh nghiệp theo quy trình hiện nay. Tiếp tục thực hiện đơn giản hóa thủ tục thành lập DN còn 03 ngày làm việc.
2	Thời gian thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp - số ngày (giá trị trung vi)	5	5	Duy trì mức điểm năm 2016	≤ 5			
3	Thời gian chờ đợi để được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất- Số ngày (Giá trị trung vi)	22.5	30		≤ 22,5	Số TNMT	TT Hành chính công tỉnh, UBND cấp huyện	Thực hiện hiệu quả hoạt động đăng ký cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất theo quy trình hiện nay. Tiếp tục rà soát bộ TTHC về lĩnh vực tài nguyên và môi trường theo Quyết định số 634/QĐ-BTNMT ngày 29/3/2016 của Bộ TN&MT về chuẩn hóa bộ TTHC, phấn đấu cắt giảm thời gian thực hiện từ 30-40% so với quy định của Bộ TN&MT.

STT	Nội dung	Điểm năm 2016	Điểm trung vị năm 2016	Mục tiêu năm 2017	Lũy kế điểm số tính đến năm 2017	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Nhiệm vụ phân công
2	DN đánh giá rủi ro bị thu hồi đất (1: rất cao đến 5: rất thấp)	1.98	1.73	Duy trì mức điểm năm 2016	≥ 1,98	Sở TN&MT	UBND các huyện, TP	Công khai Quy hoạch điều chỉnh sử dụng đất 2016-2020; danh mục dự án thu hồi đất; kế hoạch xác định giá đất cụ thể; bảng giá các loại đất trên địa bàn; bộ thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai. Công bố công khai, minh bạch quy hoạch sử dụng đất, tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2016-2020 và quy hoạch chi tiết khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại trụ sở và trên trang thông tin của Sở TNMT và UBND các huyện, thành phố.
3	Nếu bị thu hồi đất, DN sẽ được bồi thường thỏa đáng (% luôn luôn hoặc thường xuyên)	16.13%	25.45%	+ 9,33%	≥ 25,45%	Sở TN&MT	Các sở, ngành, UBND các huyện/TP	Tiếp tục kiện toàn Hội đồng bồi thường GPMB, hỗ trợ tái định cư các huyện, thành phố, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của HĐBT GPMB chuyên trách. Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp thực hiện nhận chuyển nhượng quyền SDD thực hiện dự án phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh. Rà soát, đánh giá, điều chỉnh và công khai bảng giá đất trên địa bàn tỉnh.

STT	Nội dung	Điểm năm 2016	Điểm trung vị năm 2016	Mức tiêu năm 2017	Lũy kế điểm số tính đến năm 2017	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Nhiệm vụ phân công
4	Sự thay đổi khung giá đất của tỉnh phù hợp với sự thay đổi giá thị trường (% Đồng ý)	61.80%	73.74%	+ 12%	≥ 73,74%	Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh Số TNMT	Số TNMM T, Số Tài chính	Công khai quá trình điều tra, thu thập thông tin về thửa đất, giá đất thị trường và thông tin về giá đất trong cơ sở dữ liệu đất đai của cơ quan nhà nước quản lý để DN có cơ sở so sánh, đánh giá sự phù hợp giữa sự thay đổi khung giá đất và sự thay đổi giá thị trường
5	DN ngoài quốc doanh không gặp cản trở về tiếp cận đất đai hoặc mở rộng mặt bằng kinh doanh (% Đồng ý)	32.05%	29.70%	Duy trì mức điểm năm 2016	≥ 32,05%	Số TNMT	Các số, ngành, UBND các huyện/T P	Tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai và cung cấp thông tin đất đai, tài sản gắn liền đất; thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, cấp giấy CNQSD đất thông qua dịch vụ tin nhắn SMS, tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận thông tin đất đai.
6	% DN thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai trong vòng 2 năm qua nhưng không gặp bất kỳ khó khăn nào về thủ tục (% đồng ý)	27.59%	33.33%	+ 6%	≥ 33,33%	Số TNMT	Số TNMM T, Số Tài chính	Tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai và cung cấp thông tin đất đai, tài sản gắn liền đất; thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, cấp giấy CNQSD đất thông qua dịch vụ tin nhắn SMS, tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận thông tin đất đai.

STT	Nội dung	Điểm năm 2016	Điểm trung vị năm 2016	Mục tiêu năm 2017	Lấy kế điểm số tính đến năm 2017	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Nhiệm vụ phân công
7	% DN có nhu cầu được cấp GCNQSDĐ nhưng không có do thủ tục hành chính rườm rà/ lo ngại cán bộ những nhiều	50%	25%	- 25%	≤ 25%	Sở TNMT	Các sở, ngành, UBND các huyện/T P	<p>Công khai quá trình giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến đất đai tại Trung tâm hành chính công tỉnh, các trung tâm một cửa, trụ sở Sở TN&MT. Đồng thời, thiết lập đường dây nóng tiếp nhận các thông tin về cán bộ những nhiều DN trong quá trình giải quyết thủ tục cấp Giấy CN QSDĐ.</p> <p>Duy trì và công bố công khai đường dây điện thoại nóng của Sở TN&MT (Số điện thoại 02193.860.316) để tiếp nhận phản ánh và hướng dẫn, giải đáp cho doanh nghiệp về lĩnh vực đất đai, khoáng sản và bảo vệ môi trường, giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp</p>
III	Chỉ số Tính minh bạch	6.31	6.22	Duy trì mức điểm năm 2016	≥ 6,31			

STT	Nội dung	Điểm năm 2016	Điểm trung vị năm 2016	Mức tiêu năm 2017	Lưu ý về điểm số tính đến năm 2017	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Nhiệm vụ phân công
1	Tiếp cận tài liệu quy hoạch (Thang điểm: 1- là không thể tiếp cận đến 5- là dễ dàng tiếp cận)	2.34	2.39	+ 0,06	≥ 2,39	Các sở, ngành, UBND các huyện/T P		Công khai, minh bạch, phổ biến các tài liệu của Trung ương, của tỉnh, đặc biệt là quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, sử dụng đất, quy hoạch ngành. Đồng thời, công khai thông tin về cán bộ chịu trách nhiệm giải thích, hướng dẫn, tiếp nhận và phản hồi những thắc mắc, kiến nghị của DN trên cổng thông tin điện tử của đơn vị mình.
2	Tiếp cận tài liệu pháp lý (Thang điểm: 1- là không thể tiếp cận đến 5- là dễ dàng tiếp cận)	3.10	3.10	Duy trì mức điểm năm 2016	≥ 3,1	Sở Tư pháp	Các sở, ngành, UBND các huyện/T P	Công khai 100% tài liệu liên quan như: Luật, nghị định, các văn bản hướng dẫn của cấp trung ương, công báo tỉnh, biểu mẫu thủ tục hành chính... trên website các sở, ngành, UBND các huyện/thành phố
3	Cần có "mối quan hệ" để có được các tài liệu của tỉnh (% quan trọng hoặc rất quan trọng)	64.71%	66.33%	Duy trì mức điểm năm 2016	≤ 64,71%	Sở Tư pháp	Các huyện/T P	Thiết lập và công khai số điện thoại đường dây nóng tiếp nhận các phản ánh của DN về việc không thể tiếp cận các tài liệu liên quan đến quy hoạch, kế hoạch, pháp lý. Tham mưu UBND tỉnh xử lý nghiêm các trường hợp cán bộ không cung cấp thông tin.

STT	Nội dung	Điểm năm 2016	Điểm trung vị năm 2016	Mục tiêu năm 2017	Lũy kế điểm số tính đến năm 2017	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Nhiệm vụ phân công
4	Vai trò của các hiệp hội DN địa phương trong việc xây dựng và phân biện chính sách, quy định của tỉnh (% quan trọng hoặc vô cùng quan trọng)	39.74%	40.28%	+ 0,53%	≥ 40,28%	Hiệp hội DN tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện/T	Nâng cao vai trò của Hiệp hội trong phân biện chính sách của tỉnh; tham gia các chương trình hỗ trợ DN, tư vấn...
5	Thương lượng với cán bộ thuế là phần thiết yếu trong hoạt động kinh doanh (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	53.01%	49.04%	3.97%	≤ 49%	Cục Thuế tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện/T	Có biện pháp nhằm chấn chỉnh ngay tình trạng hộ kinh doanh, DN, nhà đầu tư thương lượng với cán bộ thuế trong thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước.
6	Điểm số về độ mở và chất lượng trang web của tỉnh	24	31	7	≥ 31	Sở Thông tin & Truyền thông	Các sở, ngành, UBND các huyện/T	Tiếp tục tổng hợp, cập nhật định kỳ các tài liệu quy hoạch, kế hoạch kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, sản phẩm; bộ thủ tục hành chính từng ngành, từng cấp; danh mục các dự án kêu gọi thu hút đầu tư; giới thiệu tiềm năng, lợi thế, cơ hội đầu tư; tình hình kinh tế - xã hội... để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh..
7	% DN truy cập vào website của UBND	80.46%	76.84%	Duy trì mức điểm năm 2016	≥ 80%			

STT	Nội dung	Điểm năm 2016	Điểm trung vị năm 2016	Mức tiêu năm 2017	Lý lẽ điểm số tính đến năm 2017	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Nhiệm vụ phân công
8	Các tài liệu về ngân sách đủ chi tiết để DN sử dụng cho hoạt động kinh doanh (% Đồng ý)	95.56%	82.93%	Duy trì mức điểm năm 2016	≥ 95%	Sở Tài chính	UBND các huyện, TP	Tiếp tục công bố đầy đủ, chi tiết các tài liệu về ngân sách của tỉnh, của huyện trên website của tỉnh, Sở Tài chính, các huyện/TP để DN nghiên cứu sử dụng cho hoạt động kinh doanh.
9	Các tài liệu về ngân sách được công bố ngay sau khi cơ quan, cá nhân có thẩm quyền phê duyệt (% Đồng ý)	72.09%	69.57%	2016	≥ 72,09%			
IV	Chỉ số Chi phí thời gian	6.18	6.56	+ 0,39	≥ 6,56			
1	% DN dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện các quy định pháp luật của Nhà nước	42.70%	35.71%	- 6,98%	≥ 42,7%	Sở Tư pháp	Các sở, ngành, UBND các huyện/TP	Thực hiện hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, nhà đầu tư, hộ kinh doanh về các quy định của Trung ương, các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách do tỉnh ban hành, đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ của doanh nghiệp, nhà đầu tư. Tuyên truyền, phổ biến các Luật, văn bản QPPL liên quan đến đầu tư, kinh doanh.

STT	Nội dung	Điểm năm 2016	Điểm trung vị năm 2016	Mục tiêu năm 2017	Lấy kế điểm số tính đến năm 2017	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Nhiệm vụ phân công
2	Số cuộc thanh tra, kiểm tra trung vị (tất cả các cơ quan)	2	1	- 1	1	Thanh tra tỉnh	Các sở chuyên môn	Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra thống nhất giữa các sở chuyên môn, tránh chồng chéo, trùng lặp và tuân theo pháp luật về thanh tra; đảm bảo chính xác, khách quan, công khai, không làm cản trở hoạt động của DN.
3	Số giờ trung vị làm việc với thanh tra, kiểm tra thuế	4	8	Duy trì mức điểm năm 2016	4	Cục thuế tỉnh		Duy trì hiệu quả quy trình thanh tra, kiểm tra thuế đảm bảo số giờ thanh tra, kiểm tra thuế
4	Cán bộ nhà nước giải quyết công việc hiệu quả (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	57.47%	58.02%	≥ 0,55%	≥ 58%	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, UBND các huyện/T.P	Nghiên cứu phương án chấm điểm cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp
5	Cán bộ nhà nước thân thiện (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	63.33%	65.56%	≥ 2,22%	≥ 65%			

STT	Nội dung	Điểm năm 2016	Điểm trung vị năm 2016	Mục tiêu năm 2017	Lưu ý điểm số tính đến năm 2017	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Nhiệm vụ phân công
6	DN không cần phải đi lại nhiều lần để lấy dấu và chữ ký (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	54.55%	63.28%	+ 8,73%	≥ 63,28%	Các sở, ngành, UBND các huyện/TP		Công bố, niêm yết công khai quy trình giải quyết các thủ tục hành chính; tiếp tục rà soát, cắt giảm số lượng, thời gian giải quyết các thủ tục hành chính.
7	Thu tục giấy tờ đơn giản (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	44.32%	49.52%	+ 5,21%	≥ 49,52%		TT hành chính công tỉnh, UBND các huyện, TP	
8	Phí, lệ phí được công khai (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	88.37%	91.11%	+ 2,74%	≥ 91,11%	Sở Tài chính		Công bố, niêm yết công khai phí, lệ phí giải quyết thủ tục hành chính.
V	Chỉ số Chi phí không chính thức	5.06	5.34	+ 0,29	≥ 5,34			

STT	Nội dung	Điểm năm 2016	Điểm trung vị năm 2016	Mục tiêu năm 2017	Lũy kế điểm số tính đến năm 2017	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Nhiệm vụ phân công
1	Các DN cùng ngành thường phải trả thêm các khoản chi phí không chính thức (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	64.13%	66.04%	Duy trì mức điểm năm 2016	≤ 64,13%	Các sở, ngành, UBND các huyện/T		
2	% DN phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại chi phí không chính thức	17.50%	9.09%	-8,41 %	≤ 9,09%	P		Thực hiện có hiệu quả chương trình, kế hoạch phòng, chống tham nhũng của tỉnh. Đồng thời, kiên quyết xử lý những hành vi kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ, gây phiền hà, sách nhiễu, có thái độ cửa quyền đối với nhân dân và doanh nghiệp.
3	Hiện tượng những nhiều khi giải quyết thủ tục cho DN là phổ biến (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	58.54%	58.54%	Duy trì mức điểm năm 2016	≤ 58,54%	Các sở, ngành, UBND các huyện/T		
4	Công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi đã trả chi phí không chính thức (% thường xuyên hoặc luôn luôn)	68.00%	55.68%	-12,32%	≤ 58,54%	Các sở, ngành, UBND các huyện/T		Thường xuyên tuyên truyền, quán triệt các văn bản quy phạm pháp luật về phòng chống tham nhũng cho toàn thể cán bộ, công chức, viên chức cơ quan. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về những vi phạm của cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan, đơn vị mình.
5	Các khoản chi phí không chính thức ở mức chấp nhận được (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	74.12%	79.17%	+ 5,05%	≥ 79,17%	P		
VI	Chỉ số Cảnh tranh bình đẳng	4.61	5.06	+ 0,46	≥ 5,06		0.46	

STT	Nội dung	Điểm năm 2016	Điểm trung vị năm 2016	Mức tiêu năm 2017	Lũy kế điểm số tính đến năm 2017	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Nhiệm vụ phân công
1	Việc tinh ưu ái cho các tổng công ty, tập đoàn của Nhà nước gây khó khăn cho DN của bạn (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	41.56%	37.89%	- 3,66%	≤ 37,89%	Văn phòng UBND tỉnh		Tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh trong quá trình tiếp xúc, trao đổi, giải quyết khó khăn vướng mắc cho DN, thực hiện hỗ trợ DN phải đảm bảo nguyên tắc bình đẳng, công bằng giữa các thành phần kinh tế, các loại hình DN. Không để xảy ra trường hợp như: ưu ái cho các Tổng công ty, tập đoàn của Nhà nước gây khó khăn cho DN tư nhân; ưu tiên giải quyết các vấn đề, khó khăn cho DN nước ngoài hơn là DN trong nước; ưu tiên thu hút đầu tư nước ngoài hơn là phát triển khu vực tư nhân, hoạt động của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nhận được nhiều quan tâm hỗ trợ hơn từ tỉnh hoặc gây ra tình trạng ưu đãi với các công ty lớn.
2	Tình ưu tiên giải quyết các vấn đề, khó khăn cho DN nước ngoài hơn là DN trong nước (% đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	38.81%	42.35%	Duy trì mức điểm năm 2016	≤ 38,81%	Văn phòng UBND tỉnh		
3	Ưu đãi với các công ty lớn (nhà nước và tư nhân) là trở ngại cho hoạt động kinh doanh của bản thân DN (% đồng ý)	59.72%	54.55%	- 5,18%	≤ 54,55%			
4	Thuận lợi trong tiếp cận các khoản tín dụng là đặc quyền dành cho các tập đoàn kinh tế của Nhà nước (% đồng ý)	30.00%	26.74%	- 3,26%	≤ 26,74%	Ngân hàng Nhà nước CN Hà Giang	Các chi nhánh Ngân hàng TM trên địa bàn Tỉnh	Triển khai thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh về việc cung cấp tín dụng cho các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp đảm bảo nguyên tắc, thể lệ cho vay theo quy định, không có tình trạng ưu ái, trao đặc quyền tiếp cận tín dụng cho các tập đoàn kinh tế của Nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước.

STT	Nội dung	Điểm năm 2016	Điểm trung vị năm 2016	Mục tiêu năm 2017	Lũy kế điểm số tính đến năm 2017	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Nhiệm vụ phân công
5	Thuận lợi trong tiếp cận đất đai là đặc quyền dành cho các tập đoàn kinh tế của Nhà nước (% đồng ý)	38.75%	31.40%	- 7,35%	≤ 31,04%	Sở TNMT	UBND cấp huyện	Chủ động đề xuất cắt giảm thủ tục không cần thiết trong lĩnh vực đất đai, môi trường để tránh tình trạng gây phiền hà, khó khăn cho người dân và doanh nghiệp.
6	Thuận lợi trong cấp phép khai thác khoáng sản là đặc quyền dành cho các tập đoàn kinh tế của Nhà nước (% đồng ý)	31.25%	21.05%	- 10,2%	≤ 21,05%			
7	Thủ tục hành chính nhanh chóng và đơn giản hơn là đặc quyền dành cho các tập đoàn kinh tế của Nhà nước (% đồng ý)	26.25%	22.09%	- 4,16%	≤ 22,09%	Sở Nội vụ	VT UBND tỉnh, các sở, ngành liên quan, UBND cấp huyện	Tổ chức hoạt động hiệu quả Trung tâm hành chính công tỉnh và các bộ phận một cửa cấp huyện, xã nhằm cung cấp thông tin và thực hiện các dịch vụ công, tạo sự thuận lợi trong giải quyết thủ tục hành chính cho các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp.
8	Tính ưu tiên thu hút đầu tư nước ngoài hơn là phát triển khu vực tư nhân (% đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	41.56%	45.26%	Duy trì mức điểm năm 2016	≤ 41,46%	Sở KHĐT		Công bố công khai danh mục các dự án thu hút đầu tư trên website của tỉnh, sở.

STT	Nội dung	Điểm năm 2016	Điểm trung vị năm 2016	Mục tiêu năm 2017	Lưu ý về điểm số tính đến năm 2017	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Nhiệm vụ phân công
9	"Hợp đồng, đất đai,... và các nguồn lực kinh tế khác chủ yếu rơi vào tay các DN có liên kết chặt chẽ với chính quyền tỉnh" (% đồng ý)	70.13%	72.29%	Duy trì mức điểm năm 2016	≤ 70,13%	Các sở, ngành, UBND các huyện/T P		Thực hiện đúng quy định của Luật Đấu thầu năm 2013, bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình lựa chọn nhà thầu để ký kết và thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, trong lựa chọn nhà đầu tư để ký kết và thực hiện hợp đồng dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư, dự án đầu tư có sử dụng đất. Không để xảy ra trường hợp: "Để dành có được các hợp đồng từ cơ quan Nhà nước là đặc quyền dành cho các tập đoàn kinh tế của Nhà nước".
10	Để dành có được các hợp đồng từ cơ quan Nhà nước là đặc quyền dành cho các tập đoàn kinh tế của Nhà nước (% đồng ý)	33.75%	25.53%	- 8,22%	≤ 25,53%	Các sở, ngành, UBND các huyện/T P		
VII	Chỉ số Tỉnh năng động	4.50	4.94	+ 0,44	≥ 4,94		0.44	
1	UBND tỉnh linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp tư nhân (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	70.89%	70.54%	Duy trì mức điểm năm 2016	≥ 70,89%	Các sở, ngành, UBND các huyện/T P		Tham mưu UBND tỉnh giải quyết kịp thời 100% kiến nghị của doanh nghiệp, nhà đầu tư. Chủ động đề xuất UBND tỉnh cơ chế, chính sách linh hoạt và giải pháp tháo gỡ trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển.

STT	Nội dung	Điểm năm 2016	Điểm trung vị năm 2016	Mục tiêu năm 2017	Lấy kế điểm số tính đến năm 2017	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Nhiệm vụ phân công
2	UBND tỉnh rất năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	50.67%	56.67%	+ 6%	≥ 56,675	Các sở, ngành, UBND		Tích cực tham mưu UBND tỉnh giải quyết một cách sáng tạo, năng động đối với những vấn đề phát sinh mới, làm ảnh hưởng hoạt động sản xuất kinh doanh và cản trở doanh nghiệp.
3	Phản ứng của tỉnh khi có điểm chưa rõ trong chính sách/vấn bản trung ương: “trì hoãn thực hiện và xin ý kiến chỉ đạo” và “không làm gì” (% lựa chọn)	40.35%	33.80%	- 6,55%	≤ 33,8%	các huyện/T P		Chủ động tham mưu đề xuất kiến nghị Trung ương xem xét, sửa đổi, giải quyết trong thời gian sớm nhất tạo thuận lợi doanh nghiệp triển khai dự án, kế hoạch sản xuất kinh doanh.
4	Cảm nhận của DN về thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân (% Tích cực hoặc Rất tích cực)	50.59%	44.33%	Duy trì mức điểm năm 2016	≥ 50,59%	Sở Nội vụ		Tham mưu UBND tỉnh thực hiện khảo sát về sự hài lòng của doanh nghiệp, người dân đối với công tác quản lý, điều hành kinh tế cấp tỉnh trên các lĩnh vực có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân, trong đó chú trọng hoạt động Trung tâm hành chính công tỉnh, các bộ phận “Một cửa liên thông” của các huyện, xã. Qua đó báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời chỉ đạo chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, yếu kém của các đơn vị.

STT	Nội dung	Điểm năm 2016	Điểm trung vị năm 2016	Mục tiêu năm 2017	Lũy kế điểm số tính đến năm 2017	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Nhiệm vụ phân công
5	Có những sáng kiến hay ở cấp tỉnh nhưng chưa được thực thi tốt ở các Sở, ngành (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	73.97%	78.57%	Duy trì mức điểm năm 2016	≤ 73,97%	Các sở, ngành		Chủ động thực hiện có hiệu quả các ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh đối với các lĩnh vực có liên quan đến hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp.
6	Lãnh đạo tỉnh có chủ trương, chính sách đúng đắn nhưng không được thực hiện tốt ở cấp huyện (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	71.23%	59.46%	-11,77%	≤ 59,46%	UBND các huyện/T P		
VIII	Chỉ số Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	5.69	5.53	Duy trì mức điểm năm 2016	≥ 5,69			
1	Tỷ lệ số nhà cung cấp dịch vụ trên tổng số DN (%)	0.98%	1.02%	+ 0,04%	≥ 1,02%	UBND cấp huyện		Thực hiện các giải pháp khuyến khích các DN tham gia hoạt động cung cấp dịch vụ trên địa bàn.
2	Tỷ lệ số nhà cung cấp dịch vụ tư nhân và có vốn đầu tư nước ngoài trên tổng số nhà cung cấp dịch vụ (%)	71.43%	67.47%	Duy trì mức điểm năm 2016	≥ 71,43%	UBND cấp huyện		

STT	Nội dung	Điểm năm 2016	Điểm trung vị năm 2016	Mục tiêu năm 2017	Lũy kế điểm số tính đến năm 2017	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Nhiệm vụ phân công
3	Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường (%)	37.04%	40.00%	+ 2,96%	≥ 40%	UBND cấp huyện, TT hành chính công tỉnh		Tham mưu cơ chế, chính sách linh hoạt để tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy doanh nghiệp sử dụng dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại từ tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.
4	Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường (%)	85.19%	76.67%	Duy trì mức điểm năm 2016	≥ 85,19%			
5	DN đã từng sử dụng dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh (%)	31.34%	30.14%	Duy trì mức điểm năm 2016	≥ 31,34%	UBND cấp huyện, TT hành chính công tỉnh		Thực hiện có hiệu quả Chương trình xúc tiến đầu tư năm 2017 của tỉnh. Tham mưu UBND tỉnh ban hành cơ chế hỗ trợ chi phí cho doanh nghiệp thực hiện xúc tiến thương mại trong và ngoài nước đối với các nhóm sản phẩm chủ lực của tỉnh.
6	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh (%)	38.10%	48.28%	+ 10,18%	≥ 48,28%			
7	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh (%)	76.19%	68.42%	Duy trì mức điểm năm 2016	≥ 76,19%	UBND cấp huyện, TT hành chính công		Thực hiện dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường, xúc tiến thương mại, tìm đối tác kinh doanh để cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp của tỉnh, đặc biệt là doanh nghiệp dân doanh.
8	DN đã từng sử dụng dịch vụ xúc tiến thương mại (%)	27.27%	22.97%		≥ 27,27%			

STT	Nội dung	Điểm năm 2016	Điểm trung vị năm 2016	Mức tiêu năm 2017	Lưu ý về điểm số tính đến năm 2017	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Nhiệm vụ phân công
9	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ xúc tiến thương mại (%)	11.11%	18.18%	+ 7,07%	≥ 18,18%	UBND cấp huyện, TT hành chính công tỉnh		Xây dựng và in ấn các thông tin phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư trên địa bàn tỉnh nhằm giúp cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận cơ chế chính sách, danh mục dự án kêu gọi đầu tư, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.
10	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ xúc tiến thương mại (%)	50.00%	52.63%	+ 2,63%	≥ 52,63%			Xây dựng và khai thác các cơ sở dữ liệu pháp luật phục vụ hoạt động của DN. Rà soát, cập nhật thường xuyên văn bản QPPL của TW, HĐND, UBND tỉnh ban hành về kinh doanh; các văn bản hướng dẫn liên quan đến hoạt động của DN; giới thiệu, khuyến cáo DN thực thi pháp luật trong hoạt động kinh doanh; giới thiệu các Điều ước quốc tế về thương mại mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia; cung cấp thông tin về Chương trình hỗ trợ pháp lý cho DN trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện.
11	DN đã từng sử dụng dịch vụ tư vấn về pháp luật (%)	41.79%	38.36%	Duy trì mức điểm năm 2016	≥ 41,79%	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Tư pháp, các sở, ngành, UBND cấp huyện	

STT	Nội dung	Điểm năm 2016	Điểm trung vị năm 2016	Mục tiêu năm 2017	Lũy kế điểm số tính đến năm 2017	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Nhiệm vụ phân công
12	DN đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho việc tư vấn về pháp luật (%)	17.86%	26.09%	+ 8,23%	≥ 26,09%	Sở Tư pháp	Các sở, ngành, UBND các huyện/T P	<p>Phổ biến các loại tài liệu giới thiệu văn bản QPPL liên quan đến hoạt động của DN; tài liệu bồi dưỡng pháp luật về kinh doanh cho các đối tượng quản lý DN; cán bộ làm công tác pháp chế tại DN.</p> <p>Giải đáp và tư vấn pháp luật cho DN theo phạm vi quản lý ngành có liên quan đến hoạt động của DN. Triển khai hoạt động thiết lập mạng lưới tư vấn pháp luật cho DN nhỏ và vừa; kịp thời giải đáp các vướng mắc của DN về những quy định của pháp luật kinh doanh.</p>
13	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật (%)	67.86%	62.75%	Duy trì mức điểm năm 2016	≥ 67,86%	Đài PTTH, Báo HG	Các sở, ngành, UBND các huyện/T P	<p>Phối hợp, hỗ trợ tổ chức xây dựng và phát sóng các chuyên mục hỗ trợ pháp lý cho DN trên các phương tiện thông tin đại chúng, trọng tâm là các thông tin pháp lý trong hoạt động đầu tư, kinh doanh và hội nhập, nhất là hệ thống pháp luật về đầu tư, kinh doanh trong nước và các cam kết quốc tế tác động trực tiếp đến DN.</p> <p>Tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật kinh doanh cho DN; bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ, kiến thức pháp luật cho cán bộ pháp chế các DN trên địa bàn tỉnh.</p>

STT	Nội dung	Điểm năm 2016	Điểm trung vị năm 2016	Mục tiêu năm 2017	Lũy kế điểm số tính đến năm 2017	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Nhiệm vụ phân công
14	DN đã từng sử dụng dịch vụ liên quan đến công nghệ (%)	36.92%	31.58%	Duy trì mức điểm năm 2016	≥ 36,92%	Sở KHHCN		Triển khai tốt các dịch vụ công nghệ để cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp dân doanh. Thường xuyên nghiên cứu cải thiện, nâng cao chất lượng những dịch vụ cung ứng để doanh nghiệp tiếp tục sử dụng các dịch vụ nêu trên.
15	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ liên quan đến công nghệ (%)	37.50%	47.83%	+ 10,33%	≥ 47,83%			Triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 99/KH-UBND ngày 22/4/2016 của UBND tỉnh về triển khai dự án nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp tỉnh Hà Giang đến năm 2020
16	DN có ý định tiếp tục sử dụng nhà cung cấp trên cho các dịch vụ liên quan đến công nghệ (%)	66.67%	47.06%	Duy trì mức điểm năm 2016	≥ 66,67%	Sở KHHCN	Trường CD nghề, trường TC Kinh tế - Kỹ thuật	
17	DN đã từng sử dụng dịch vụ đào tạo về kế toán và tài chính (%)	42.65%	35.14%	Duy trì mức điểm năm 2016	≥ 42,65%	Sở LP, TB &XH		Củng cố và nâng cao chất lượng các cơ sở đào tạo cung cấp dịch vụ đào tạo về kế toán, tài chính và quản trị kinh doanh đảm bảo cung ứng nguồn lao động đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp.
18	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ đào tạo về kế toán và tài chính (%)	27.59%	35.56%	+ 7,97%	≥ 35,56%			

STT	Nội dung	Điểm năm 2016	Điểm trung vị năm 2016	Mục tiêu năm 2017	Lũy kế điểm số tính đến năm 2017	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Nhiệm vụ phân công
19	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về kế toán và tài chính (%)	62.07%	58.33%	Duy trì mức điểm năm 2016	≥ 62,07%			
20	DN đã từng sử dụng dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh (%)	29.85%	26.53%	Duy trì mức điểm năm 2016	≥ 29,85%	Sở LĐ, TB &XH	Trường Cao đẳng nghề, trường TC Kinh tế - kỹ thuật	Củng cố và nâng cao chất lượng các cơ sở đào tạo cung cấp dịch vụ đào tạo về kế toán, tài chính và quản trị kinh doanh đảm bảo cung ứng nguồn lao động đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp.
21	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh (%)	20.00%	30.00%	+ 10%	≥ 30,0%			
22	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh (%)	55.00%	52.94%	Duy trì mức điểm năm 2016	≥ 55,0%			
IX	Chỉ số Đào tạo lao động	4.73	5.93	+ 1,2	≥ 5,93		1.20	

STT	Nội dung	Điểm năm 2016	Điểm trung vị năm 2016	Mức tiêu năm 2017	Lưu ý kế điểm số tính đến năm 2017	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Nhiệm vụ phân công
1	Dịch vụ do các cơ quan Nhà nước tại địa phương cung cấp: Giáo dục phổ thông (% Tốt hoặc Rất tốt)	44.71%	47.79%	+ 3,08%	≥ 47,79%	Sở GD&ĐT		Tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.
2	Dịch vụ do các cơ quan Nhà nước tại địa phương cung cấp: Dạy nghề (% Tốt hoặc Rất tốt)	26.74%	33.03%	+ 6,28%	≥ 33,03%	Sở LĐ, TB &XH		Tăng cường các giải pháp đẩy mạnh công tác tuyên sinh dạy nghề; gắn đào tạo nghề với tư vấn, giải quyết việc làm cho người lao động, nhất là lao động mất việc làm do ảnh hưởng suy thoái kinh tế hoặc chuyển đổi ngành nghề; tổ chức thực hiện tốt các chính sách về đào tạo nghề, giải quyết việc làm theo quy định.
3	% tổng chi phí kinh doanh dành cho đào tạo lao động	5.40%	4.66%	- 0,74%	≤ 4,66%	Sở LĐ, TB &XH		
4	Mức độ hài lòng với lao động (% đồng ý rằng lao động đáp ứng được nhu cầu sử dụng của DN)	83.95%	90.43%	+ 6,48%	≥ 90,43%			
5	% số lao động của DN đã hoàn thành khóa đào tạo tại các trường dạy nghề (%)	39.71%	49.92%	+ 10,21%	≥ 49,92%			
6	DN đã từng sử dụng dịch vụ giới thiệu việc làm (%)	22.39%	32.10%	+ 9,71%	≥ 32,1%			

STT	Nội dung	Điểm năm 2016	Điểm trung vị năm 2016	Mục tiêu năm 2017	Lũy kế điểm số tính đến năm 2017	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Nhiệm vụ phân công
7	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ giới thiệu việc làm (%)	33.33%	38.10%	+4,76%	≥ 38,1%	Sở LĐ, TB &XH		Xây dựng Kế hoạch cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các Trung tâm dịch vụ việc làm; đẩy mạnh cung cấp thông tin về thị trường lao động, tăng tần suất tổ chức các phiên giao dịch việc làm, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các doanh nghiệp tham gia các phiên giao dịch việc làm và người lao động đến kết nối việc làm.
8	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ giới thiệu việc làm (%)	53.33%	58.33%	+ 5,0%	≥ 58,33%			
9	% tổng chi phí kinh doanh dành cho tuyển dụng lao động	2.59%	4.10%	Duy trì mức điểm năm 2016	≤ 5,59%			
X	Chỉ số Thiết chế pháp lý	4.76	5.50	+ 0,74	≥ 5,5		0.74	
1	Hệ thống pháp luật có cơ chế giúp DN tổ cáo hành vi tham nhũng của cán bộ (% thường xuyên hoặc luôn luôn)	33.96%	31.68%	Duy trì mức điểm năm 2016	≥ 33,96%	Thanh tra tỉnh		Thực hiện cơ chế giám sát và kiểm tra định kỳ để đảm bảo mọi phản ánh, khiếu kiện của DN, người dân đều được ghi nhận, giải quyết kịp thời và trả lời cho DN
2	Các chi phí chính thức và không chính thức là chấp nhận được (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	71.91%	72.93%	+ 1,02%	≥ 72,93%			

STT	Nội dung	Điểm năm 2016	Điểm trung vị năm 2016	Mức tiêu năm 2017	Lưu ý kế điểm số tính đến năm 2017	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Nhiệm vụ phân công
3	Doanh nghiệp tin tưởng và khả năng bảo vệ của pháp luật về vấn đề bản quyền hoặc thực thi hợp đồng (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	82.86%	81.25%	Duy trì mức điểm năm 2016	≥ 82,86%	Sở Tư pháp		Triển khai Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 19/4/2017 về hỗ trợ pháp lý cho DN. Đây mạnh thực hiện xã hội hóa các dịch vụ hỗ trợ pháp lý cho DN trên địa bàn tỉnh.
4	Các cơ quan trợ giúp pháp lý hỗ trợ doanh nghiệp dùng luật để khởi kiện khi có tranh chấp (% đồng ý)	59.14%	66.67%	+ 7,53%	≥ 66,67%	Cục Thi hành án dân sự tỉnh		Đẩy nhanh tiến độ thi hành án dân sự để DN tin tưởng vào sự bảo vệ của pháp luật.
5	Phán quyết của tòa án được thi hành nhanh chóng (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	60.82%	62.82%	+ 2,0%	≥ 62,82%	Tòa án nhân dân tỉnh		
6	Số lượng vụ việc tranh chấp của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Tòa án kinh tế cấp tỉnh thụ lý trên 100 doanh nghiệp (Tòa án Tối cao)	1.09	0.68	Duy trì mức điểm năm 2016	≥ 1,09	Tòa án nhân dân tỉnh	Viện kiểm sát nhân dân tỉnh	Nâng cao chất lượng quyền công tố và kiểm soát các hoạt động tư pháp, chất lượng hoạt động xét xử các loại vụ án và xét xử trong thời hạn luật định
7	Tỉ lệ % nguyên đơn ngoài quốc doanh trên tổng số nguyên đơn tại Tòa án kinh tế tỉnh	41.46%	81.82%	Duy trì mức điểm năm 2016	≤ 41,46%			

STT	Nội dung	Điểm năm 2016	Điểm trung vị năm 2016	Mục tiêu năm 2017	Lũy kế điểm số tính đến năm 2017	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Nhiệm vụ phân công
8	Tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ kiện kinh tế đúng pháp luật (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	86.73%	83.33%	Duy trì mức điểm năm 2016	≥ 86,73%	Tòa án nhân dân tỉnh	Viện kiểm sát nhân dân tỉnh	Nâng cao chất lượng quyền công tố và kiểm soát các hoạt động tư pháp, chất lượng hoạt động xét xử các loại vụ án và xét xử trong thời hạn luật định
9	Tòa án các cấp của tỉnh xử các vụ kiện kinh tế nhanh chóng (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	57.89%	59.38%	+ 1,48%	≥ 59,38%	Tòa án nhân dân tỉnh	Viện kiểm sát nhân dân tỉnh	Nâng cao chất lượng quyền công tố và kiểm soát các hoạt động tư pháp, chất lượng hoạt động xét xử các loại vụ án và xét xử trong thời hạn luật định
10	Phán quyết của toà án là công bằng (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	79.35%	78.41%	Duy trì mức điểm năm 2016	≥ 79,35%	Tòa án nhân dân tỉnh	Viện kiểm sát nhân dân tỉnh	Nâng cao chất lượng quyền công tố và kiểm soát các hoạt động tư pháp, chất lượng hoạt động xét xử các loại vụ án và xét xử trong thời hạn luật định
11	DN sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp (% có)	40.19%	35.79%	Duy trì mức điểm năm 2016	≥ 40,19%	Tòa án nhân dân tỉnh	Viện kiểm sát nhân dân tỉnh	Nâng cao chất lượng quyền công tố và kiểm soát các hoạt động tư pháp, chất lượng hoạt động xét xử các loại vụ án và xét xử trong thời hạn luật định
12	Tỷ lệ vụ án đã được giải quyết trong năm(TATC)	64.52%	75.00%	+ 10,48%	≥ 75,0%	Tòa án nhân dân tỉnh	Viện kiểm sát nhân dân tỉnh	Nâng cao chất lượng quyền công tố và kiểm soát các hoạt động tư pháp, chất lượng hoạt động xét xử các loại vụ án và xét xử trong thời hạn luật định